

không có lính thì nhà không đất đèn để bộ đội biết tình hình mà vào, không bị thiệt hại.

Nhờ bám được chiến trường, gần dân, dân cung cấp tình hình cho bộ đội đánh địch, đánh bọn ác ôn kèm kẹp quần chúng để quần chúng bung ra làm ăn. Ta xây dựng được cơ sở tạo được thế giữ được địa bàn, cán bộ, chiến sĩ ít bị thương vong và cơ quan đơn vị được bố trí ở đâu là ở đó có xây dựng ngay công sự để đánh địch, bảo tồn lực lượng mình.

Đây là bài học quý giá đối với Đảng bộ Biên Hòa - Vũng vàng trước khó khăn, không chao đảo, không bi quan dao động, không đầu hàng kẻ thù, thà hy sinh chứ không chịu sống quỳ. Nhờ đó, đã phát huy được cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, thực hiện được nhiệm vụ. Chiến dịch Xuân Mậu Thân 1968, mặt trận Biên Hòa cũng là một điểm chỉ đạo của Trung ương cục và Bộ chỉ huy quân sự miền Nam. Đồng chí Lê Đức Anh, lúc đó là Tư lệnh phó, tham mưu trưởng của lực lượng vũ trang miền Nam đã đến tận căn cứ Bàu Sao (Bắc Trảng Bom) phổ biến chủ trương chiến dịch Xuân Mậu Thân và mệnh lệnh tấn công của Bộ tư lệnh Sư đoàn 5, cho Tỉnh uỷ U1 và Bộ chỉ huy quân sự Biên Hòa tổ chức lực lượng tấn công, lực lượng ta tập trung cho chiến dịch Mậu Thân tại Biên Hòa rất mạnh, Sư đoàn 5 chủ lực của Miền, Trung đoàn 33, Trung đoàn 4, Trung đoàn pháo, tên lửa, các tiểu đoàn đặc công 1, 2 của Biên Hòa, đội biệt động Biên Hòa. Mục tiêu tấn công của chủ lực ta là căn cứ dã chiến 2 của Mỹ, quân đoàn 3, sân bay Biên Hòa, Tổng kho Long Bình, các điểm trong nội thành Biên Hòa. Lực lượng ta áp sát các mục tiêu. Đúng giờ G ngày N, quân ta đồng loạt tấn công. Pháo, tên lửa của ta vắn vào sân bay Biên Hòa, nổ lửa phải cháy. Các mũi tiến công của lực lượng bộ binh đều nổ súng. Tiếng súng nổ rền khắp các mục tiêu đã định. Bộ đội ta đánh từ 0 giờ đêm đến sáng và suốt ngày sau, tiêu diệt nhiều lính Mỹ, phá hủy nhiều máy bay. Tại kho Long Bình, đặc công ta đánh phá hủy kho đạn ở đồi 50, đồi 53. Những ngày sau, bộ đội ta tiếp tục đánh. Mỹ phản kích ác liệt chiến sĩ ta có bị thương vong nhưng đã được nhanh chóng tổ chức chuyển về tuyến sau cứu chữa. Chiến dịch Xuân Mậu Thân ta đạt

được yêu cầu đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang. Từ "chiến tranh cục bộ" ở đỉnh cao phải chuyển sang "Việt Nam hóa chiến tranh", quân viễn chinh Mỹ và quân chư hầu lần lượt rút quân về nước. Không có chiến dịch Xuân Mậu Thân 1968 thì không thể có việc Mỹ chịu lùi bước. Chuyển hướng chiến lược thụ lùi là chứng tỏ Mỹ chấp nhận thua trận ở Việt Nam. Mặc dù đế quốc Mỹ xuống thang, nhưng đối với chiến trường Biên Hòa tình hình vẫn còn rất ác liệt. Mỗi đợt rút quân, là các lữ đoàn 173, 199, Sư 25 Mỹ càn quét, B52 thả bom đánh phá ác liệt các căn cứ ta để bảo vệ hành lang cho chúng rút quân. Lực lượng ta củng cố đội ngũ và tiếp tục đánh địch càn quét trong căn cứ. Chiến dịch Xuân 1969 rồi chiến dịch năm 1970, lực lượng ta vẫn sung sức tiếp tục đánh sân bay, kho Long Bình, đánh bọn bảo an tại ga xe lửa, đánh Ty cảnh sát Biên Hòa, tiêu diệt tiểu đoàn biệt động quân tại Suối Săng Máu. Địch phản kích, bom pháo ác liệt, bao vây phong tỏa kinh tế. Cán bộ, chiến sĩ Biên Hòa phải chịu đựng gian khổ. Năm 1970, tình hình quá khó khăn, cơ quan, bộ đội thiếu gạo ăn phải ăn củ từ rừng, lá bếp, trái chuối xanh, đậu nành, bắp, khoai, đu đủ, bí rau v.v... Bàu rau muống tại Bàu Hàm cứ mỗi tối, bộ đội cắt từng bông về ăn thay gạo, ăn rau, củ nhưng địch vẫn đánh diệt địch. Vẫn tổ chức đánh kho Long Bình, sân bay Biên Hòa theo lệnh cấp trên. Có lần tiểu đoàn 1 trước khi vào trận, đến Tỉnh ủy yêu cầu cho mỗi chiến sĩ một lít gạo nấu ăn no để đi đánh giặc, Tỉnh ủy đã lấy gạo dự phòng cấp cho bộ đội. Tình cảm giữa Đảng với lực lượng vũ trang và nhân dân càng gắn bó trong nhiệm vụ giết giặc, giải phóng quê hương đất nước.

Ngoài nhiệm vụ đánh hậu cứ kho tàng của địch, lực lượng vũ trang Biên Hòa còn phải đánh phá ấp chiến lược, phá thế kềm kẹp của địch ở vùng Bàu Hàm, Hưng Lộc, Thiện Tân, Tân Định, Đại An. Phát động quần chúng đấu tranh chống khủng bố trả thù, chống phá âm mưu gom dân của địch, đòi tự do đi lại làm ăn. Trong nội thành, Đảng lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, chống mọi áp bức bóc lột của địch, giành quyền lợi cho quần chúng. Đồng bào trong nội thành Biên Hòa tuy bị địch kềm kẹp gắt gao

nhưng vẫn một lòng yêu nước, ủng hộ cách mạng. Bà con ở Gò Me, lân Thành đào hầm bí mật cho bộ đội về trú ẩn để đánh địch xuân 1969. Đồng bào ở xã Hiệp Hòa, ấp An Hảo, Bình Đa xã Bửu Hòa, xã Tân Vạn v.v...đào hầm bí mật chứa cán bộ, lực lượng võ trang về ở để đánh địch. Ai mà biết được hết tấm lòng son sắt thủy chung với cách mạng, dù ở tận sâu trong lòng địch vẫn hướng về cuộc chiến đấu chánh nghĩa giải phóng dân tộc, để mọi người thoát khỏi cảnh áp bức của bọn cướp nước và bán nước.

Có thể nói, những năm vô cùng ác liệt đó, cán bộ chiến sĩ Biên Hòa đã thể hiện đúng mức chủ nghĩa anh hùng cách mạng, kiên cường giữ vững thế tiến công địch, giành nhiều thắng lợi, lập nên những thành tích xuất sắc.

Mùa xuân năm 1975, chuẩn bị cho chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng miền Nam, nhiều cán bộ, đảng viên cộng sản đã hòa mình với dân, được dân tin yêu đùm bọc. Các đồng chí Nguyễn Hồng Kỳ, nữ đồng chí Tám Huệ, Ba Thiệp, Sáu Tốt, Hai Nảo v.v... đã vào ở được trong nội thành làm ăn như mọi người dân để giữ thế hợp pháp hoạt động cách mạng và tiến hành tổ chức Ủy ban khởi nghĩa ở khu công nghiệp Biên Hòa, các xã ngoại thành và nội ô. Sau khi kết thúc thắng lợi 12 ngày đêm tiêu diệt địch tại tỉnh lỵ Long Khánh, 2 quân đoàn chủ lực của ta đánh vào Biên Hòa: Quân đoàn 2 đánh vào căn cứ địch ở Nước Trong, quận lỵ Long Thành, căn cứ Thành Tuy Hạ và tiến về Sài Gòn. Quân đoàn 4 đánh vào Biên Hòa. Khó có thể hình dung được khi chiến dịch tấn công về Biên Hòa, bom, pháo ác liệt như thế nào! Pháo địch cấp tập bắn dọc quốc lộ 1, nhưng bộ đội ta vẫn tiến lên tiêu diệt địch ở ngã ba Dầu Giây, yếu khu Trảng Bom rồi đánh về hướng Biên Hòa. Đêm 29-4, hàng ngàn anh chị em tù chính trị ở trại giam Tân Hiệp phá khám kéo ra gặp bộ đội trên đường hành quân, mừng Vui trào nước mắt, mặc cho pháo địch cứ bắn điên cuồng. Trong niềm Vui chung đó, tôi lại hân hạnh có niềm Vui riêng. Tôi gặp lại vợ tôi đã bị địch bắt tra tấn giam cầm 7 năm, được gặp lại trong giờ phút ấy, tôi rất xúc động. Vợ chồng gặp nhau trong phút chốc rồi lại chia tay. Tôi đi với bộ đội tiếp tục cuộc tấn công giải phóng Biên Hòa. Sáng 30-4-1975, lực lượng xe tăng, pháo binh ta tiến về chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa. Trên đường

vào Biên Hòa, đồng bào hai bên đường ra mừng quân giải phóng. Hàng ngàn xe Honda chạy theo xe quân giải phóng vào trung tâm thành phố. 10 giờ 30 ngày 30-4-1975, Biên Hòa hoàn toàn giải phóng. Các lực lượng vũ trang địa phương nhanh chóng triển khai tiếp quản nội thành, ngoại thành và khu công nghiệp Biên Hòa. Sân bay và kho Long Bình do bộ đội chủ lực Quân đoàn 4 tiếp quản. Trong khi đó, đồng bào tập trung hàng ngàn người tại Công trường Sông Phố, và tại sân bay Tòa hành chính tỉnh do ta mới tiếp quản. Chúng tôi nói chuyện với bà con trong không khí tung bừng của mọi tầng lớp nhân dân thành phố Biên Hòa, mừng ngày giải phóng đất nước, giải phóng và làm chủ Biên Hòa thân yêu.

**TẬP TRUNG MỌI NỖ LỰC, ĐẨY NHANH TỐC ĐỘ
XÂY DỰNG THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
GIÀU ĐẸP VÀ VĂN MINH**

HUYỀN VĂN BÌNH⁽⁴⁾

Thành phố Biên Hòa, mấy tiếng thân thương ấy, gắn bó với cuộc đời tôi từ tuổi ấu thơ. Biên Hòa đã đọng lại trong tôi nhiều kỷ niệm và những ấn tượng sâu sắc. Mỗi đường phố, khu chợ, bến đò, di tích lịch sử và cả dòng sông Đồng Nai hiền hòa... luôn thân thiết và trăn trở trong tôi. Nếu đem so sánh một Biên Hòa nhỏ bé nghèo nàn với năm, ba dãy phố; vài ba dãy đường... từ hồi chống Pháp, hay một Biên Hòa còn nóng bỏng lửa đạn chiến tranh, ngổn ngang đùn bột chằng thịt Đây thép gai và những tàn dư chiến tranh do Mỹ ngụy để lại sau 30-4-1975... với một Biên Hòa sôi động, đang từng ngày thay da đổi thịt, nhiều khu phố mới với các kiểu nhà kiến trúc đẹp; đường phố trải nhựa bóng; nhiều nhà máy mới đã và đang thi nhau xây dựng, hình thành các khu công nghiệp mới...và hàng loạt công trình đã xây dựng hoặc đang phôi thai... theo quy hoạch xây dựng thành phố Biên Hòa, đô thị loại II của cả nước... mới thấy hết sự đổi thay rất đổi tự hào và tràn đầy

⁽⁴⁾ Nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai

niềm tin đối với sự nghiệp đổi mới của Đảng và nhà nước ta trên quê hương Biên Hòa.

Tuy nhiên, yêu cầu và nhiệm vụ xây dựng thành phố Biên Hòa theo mục tiêu hiện đại, giàu đẹp, văn minh, xứng đáng với truyền thống lịch sử hào hùng của quê hương và xứng đáng với tầm vóc của một thành phố công nghiệp, một trung tâm chính trị, văn hóa, du lịch... của cả tỉnh là một nhiệm vụ hết sức to lớn; đòi hỏi phải tập trung mọi nỗ lực của toàn Đảng bộ, nhân dân thành phố và của cả tỉnh, để đẩy nhanh hơn nữa tốc độ phát triển toàn diện Biên Hòa.

Do đặc điểm hình thành và lịch sử phát triển của thành phố, Biên Hòa có những đặc điểm riêng khó trộn lẫn với bất cứ thành phố nào trong cả nước. Những nét riêng rất "Biên Hòa" ấy, vừa là thuận lợi, song cũng vừa là khó khăn trên con đường phát triển thành phố trong tương lai. Xét về nhiều góc độ, Biên Hòa đang rất cần sự quan tâm đầu tư về nhiều mặt. Song, theo tôi vấn đề quan trọng nhất hiện nay (và cả mai sau) là công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhân dân và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Nhìn lại chặng đường xây dựng và phát triển trong gần 20 năm qua của Biên Hòa, chúng ta có quyền tự hào về những thành tích đã đạt được; trong đó, phải kể đến những nỗ lực và thành tích đáng được ghi nhận trong quá trình xây dựng, củng cố hệ thống chính quyền nhân dân. Bài học sâu sắc mà chúng ta không được phép coi nhẹ là: công tác xây dựng Đảng luôn luôn là yếu tố quan trọng hàng đầu, gắn bó mật thiết với việc xây dựng chính quyền nhân dân và cả hai yếu tố trên tác động vừa trực tiếp, vừa gián tiếp đến quá trình hình thành xây dựng con người mới. Do vậy, không thể coi nhẹ một vấn đề nào. Cần nhấn mạnh thêm rằng: trong điều kiện Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối và toàn diện, thì nhiệm vụ xây dựng Đảng được coi như việc chế tạo, chăm sóc bảo dưỡng hệ thống "máy cái", hay đầu máy của đoàn tàu. Nếu công tác xây dựng Đảng trì trệ, yếu kém... tất sẽ dẫn đến nhiều công tác khác trì trệ, yếu kém theo. Nói như vậy để khẳng định tầm quan trọng của

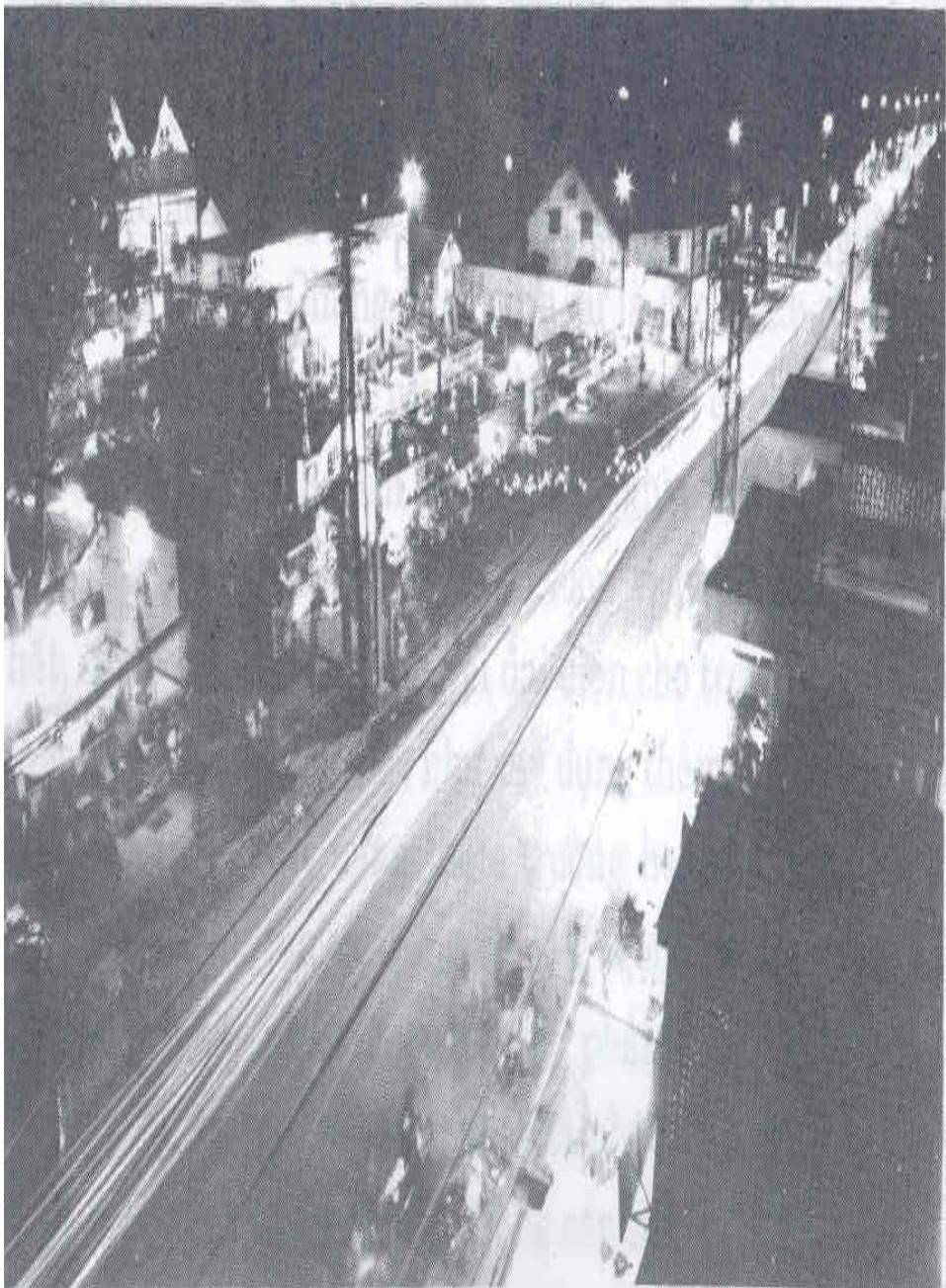
việc xây dựng Đảng. Song, công tác xây dựng chính quyền nhân dân trong tình hình mới, đã có hướng đi rõ ràng trên cơ sở các Nghị quyết của Đảng và hệ thống pháp luật Nhà nước đang ngày càng được hoàn chỉnh. Có thể hiểu một cách nôm na rằng: chính quyền nhân dân là cơ quan Nhà nước, đại diện cho nhân dân, điều hành công việc chung của nhân dân; đồng thời là người cầm cân nảy mực để giải quyết những vấn đề liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi của nhân dân... Do vậy, để hoạt động một cách hữu hiệu, các thành viên và tổ chức chính quyền nhân dân các cấp cần phải thực hiện thật tốt mấy vấn đề: một là, nắm vững Nghị quyết của Đảng để định hướng cho mọi hoạt động; hai là, nắm vững hệ thống pháp luật để điều hành; ba là, dựa vào dân, lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của nhân dân để kiểm điểm, rút kinh nghiệm và điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với thực tiễn... Trong vấn đề thứ ba, chính quyền phải quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện để các tổ chức hoạt động tốt và thông qua các tổ chức này để xây dựng mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Như trên đã đề cập, trong tình hình chung của cả nước, cả tỉnh và tình hình nhiệm vụ mới của thành phố Biên Hòa, có nhiều yêu cầu mới đặt ra. Song, tôi muốn nhấn mạnh đến một yêu cầu khá quan trọng và cấp thiết là: cần phải tập trung mọi nỗ lực để xây dựng hệ thống chính quyền nhân dân thành phố ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ mới. Đây là một yêu cầu không giới hạn và cũng không đơn giản chút nào, đặc biệt là đối với cấp chính quyền cơ sở xã, phường, khu phố... Trong các mặt công tác xây dựng chính quyền, thì công tác cán bộ có vị trí và tầm quan trọng đặc biệt. Có một nguyên tắc sơ đẳng của vấn đề này là "hãy vì yêu cầu hoàn thành tốt nhiệm vụ của các chức danh mà đào tạo và bố trí con người cho thích hợp". Kiên quyết loại trừ các hiện tượng phe phái hay cảm tình cá nhân... trong vấn đề đào tạo và bố trí sắp xếp cán bộ. Quá trình xây dựng và củng cố đội ngũ cán bộ Đảng cũng như các cấp chính quyền, phải quán triệt và đề cao các tiêu chuẩn về đạo đức, năng lực lãnh đạo, điều hành các hoạt động thực tiễn và hiệu quả thực tế trong hoạt động của cán bộ. Chúng ta có vinh dự là được

sinh ra và lớn lên trên mảnh đất được cả nước biết đến với danh hiệu: "Hào khí Đồng Nai". Hào khí Đồng Nai, nghĩa là tư tưởng hào hiệp, ý chí kiên cường, việc làm luôn vì nghĩa lớn. Hơn ai hết, người cán bộ của dân phải đại diện cho truyền thống đó, làm sao để trong mỗi việc như xây dựng thêm con đường, mở thêm khu phố, xây dựng thêm trường học, trùng tu các di tích lịch sử, cải tạo các công viên, khu chợ, tuyển chọn, bồi dưỡng, đào tạo nhân tài v.v... đều phải vì sự nghiệp phát triển thịnh vượng và văn minh của nhân dân Biên Hòa và sự tiến bộ chung của cả tỉnh. Cũng cần nói thêm một vấn đề là: xây phải đi liền với chống. Trong quá trình tập trung mọi nỗ lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển toàn diện của Biên Hòa, cũng đồng thời phải tăng cường các biện pháp kiên quyết và hữu hiệu chống các tệ nạn xã hội, chống "diễn biến hòa bình", chống các biểu hiện coi thường luật pháp, kỷ cương, chống lối sống thực dụng phi văn hóa... để xây dựng một Biên Hòa giàu nếp sống văn hóa làm kiểu mẫu cho cả tỉnh.

Trong lịch sử đấu tranh giải phóng đất nước, suốt hơn một thế kỷ qua và đặc biệt là chặng đường 50 năm qua, Đảng bộ và quân dân thành phố Biên Hòa đã chịu nhiều tổn thất hy sinh to lớn. Nền độc lập, tự do... mà chúng ta đang sống hôm nay, phải đổi bằng núi xương, sông máu của các anh hùng liệt sĩ... đã hy sinh vì ý nghĩa lớn.

Ngày nay, tự hào về truyền thống lịch sử hào hùng của quê hương, nghĩa là phải biết phát huy những tinh hoa của truyền thống đó, bằng hành động thực tế của mỗi người với ý thức xây dựng, góp phần tô đẹp thêm truyền thống lịch sử, làm cho quê hương Biên Hòa bất khuất, mỗi ngày thêm đẹp, thêm giàu, hiện đại và văn minh

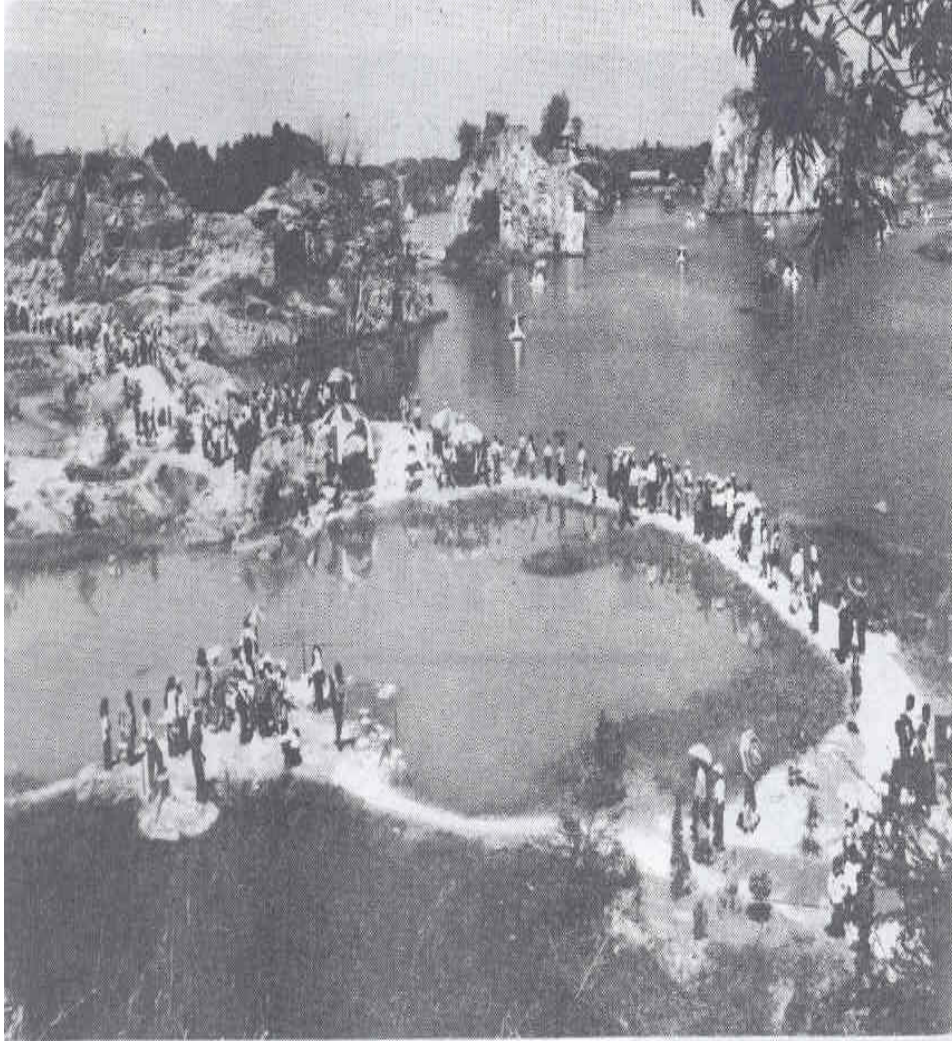


Đêm trên quốc lộ 1 - đoạn ngang phường Trung Dũng - Biên Hòa

PHẦN THỨ HAI

GHI NHỚ

TỰ HÀO



Du khách tham quan hồ Long Ẩn (khu du lịch Bửu Long)

**KỶ NIỆM 300 NĂM THÀNH LẬP DINH TRẦN BIÊN (BIÊN HÒA) NHỚ
VĨNH AN HẦU NGUYỄN HỮU KÍNH(*⁵)**

TRẦN BẠCH ĐĂNG

(*⁵) Trước đây, chúng ta quen gọi Chương cơ Kinh lược sứ Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh. Nay, gọi lại cho đúng: Vĩnh An hầu (là tước sau cùng mà ông thụ phong và tên Nguyễn Hữu Kính theo văn tự khắc trên mộ bia.

Năm 1998 tới đây, nước ta kỷ niệm 300 năm ngày hoàn tất cuộc Nam tiến. Riêng với tỉnh Đồng Nai và thành phố Biên Hòa, ngày đó còn mang một giá trị lịch sử đặc biệt: dinh Trấn Biên ra đời, đơn vị hành chính đầu tiên - cùng phủ Gia định - của Nhà nước Việt Nam nơi miền đất mới.

Sự ra đời của dinh Trấn Biên (và Nam Bộ nói chung) gắn chặt với một tên tuổi lớn: NGUYỄN HỮU KÍNH. Trước đây, do thói quen kiêng kỵ tên húy, chúng ta thường gọi là Nguyễn Hữu Cảnh. Về trước, lúc đầu quả Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) được Chúa Nguyễn phong Lễ Thành Hầu, về sau, vua Nguyễn phong Vĩnh An Hầu, nên để danh chính ngôn thuận, chúng ta gọi tước sau cùng của ông.

Sinh năm 1650, tại Quảng Bình, mất năm 1700 tại đồng bằng sông Cửu Long, Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) là một danh tướng của chúa Nguyễn, một võ quan và một văn thần cấp cao, thuộc một vọng tộc lừng lẫy: ông nội là Tham tướng Nguyễn Triều Văn, cha là Chưởng dinh Nguyễn Hữu Dật (tước Chiêu Vũ Hầu); anh là Chưởng cơ Nguyễn Hữu Hào (tước Hào Lương Hầu) và Nguyễn Hữu Trung (tước Trung Thắng Hầu). Gia phả Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) lùi gần thì cùng tổ với Chúa Nguyễn ở Gia Miêu, Tống Sơn (Thanh Hóa), lùi xa hơn thì từ người con sống sót của Nguyễn Trai sau thảm án Lệ Chi Viên, lùi xa hơn nữa, dòng dõi Nguyễn Bạc thời Đinh Tiên Hoàng. Từ nhỏ, Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) đã cùng cha anh lo việc quân, dự vào nhiều trận công thủ Quảng Bình đối mặt với quân Trịnh. Năm 1693, ông được Chúa Nguyễn Phúc Châu cử làm Thống binh cầm quân vào Nam. Với cương vị Kinh lược sứ Nam kỳ, năm 1698, ông thiết lập phủ Gia định, huyện Phước Long và dinh Trấn Biên. Ông lâm bệnh và mất vào tháng Năm năm Canh Thìn (1700), khi cùng binh thuyền theo sông Cửu Long từ Chân Lạp về Định Tường.

Tại Cù Lao Phố còn ngôi mộ tạm của ông. Mộ thật của ông ở vùng đồi phía trong bến Đại Giang của sông Kiến Giang thuộc huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình (theo tài liệu của ông Võ Khắc Vui, 13B ngõ Đặng Dung, Hà Nội).

Năm 1993, tại thị xã Châu Đốc, một cuộc hội thảo khoa học về thân thế và sự nghiệp Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) tiến hành cùng ngày với lễ Kỳ yên hàng năm của đình Châu Phú, đình thờ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh (Kính), (bây giờ chưa xác định tước và tên của ông). Cuộc hội thảo chủ yếu tập trung vào vai trò của Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) trong việc hợp thức hóa miền cực Nam Việt Nam bấy lâu do dân lưu tán khai phá, đưa vùng đất mới vào bản đồ Việt Nam. Lễ Kỳ Yên cũng nhằm ghi nhớ công ơn khai quốc an dân ấy.

Hội thảo khoa học thì lần đầu tiên hành tại đây, còn ngôi đình lại có mấy trăm năm lịch sử cùng mấy trăm lần tế lễ.

Dự hội thảo có các nhà khoa học thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, đồng bằng sông Cửu Long, tỉnh An Giang, đại diện chính quyền và đảng bộ An Giang, Châu Đốc, Quảng Bình, Hội đình Châu Phú, Hội đồng hương Quảng Bình ở thành phố Hồ Chí Minh và nhiều hậu duệ của Chưởng cơ. Hội thảo khai mạc bằng buổi lễ theo truyền thống tưởng nhớ vị thần - công thần đối với nước và phúc thần đối với dân.

Như thế, chúng ta có thể thấy được sự đan xen nhiều yếu tố trong một sinh hoạt: tìm tòi lịch sử bằng dấu vết văn bản, hiện vật lẫn sự bảo tồn dân gian; giới khoa học, Nhà nước, Đảng và gia tộc cùng làm; nghiên cứu phân tích đi đôi với chiêm ngưỡng; miền biên giới cực nam nhớ một nhân vật quê tận Quảng Bình, 300 năm trước đặt chân đến đồng bằng sông Cửu Long và mất tại đây.

Có những điều mà văn bản, bị thời gian tàn phá, để lại một lỗ hổng. Lỗ hổng ấy được truyền thuyết cùng lễ hội dân gian san lấp.

Hội thảo về Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) đạt chất lượng khoa học ở chỗ kết hợp tư liệu lịch sử với tấm lòng của người dân, với lễ hội đã thành dân gian, chứa sức sống tinh thần không phai mờ qua năm tháng.

Tháng Tám năm Nhân Thân (1692), dinh Bình Khang (Khánh Hòa) bị vua Chiêm Thành là Bà Tranh tiến công. Chúa Nguyễn điều Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) từ Quảng Bình vào đối phó. Tháng Ba năm Quý Dậu (1693), ông

dẹp xong Bà Tranh, thành lập trấn Thuận Thành (Ninh Thuận - Bình Thuận). Đầu năm 1694, một người Hoa tên A Ban nổi lên chống lại Chúa Nguyễn. Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) lại được điều vào đánh dẹp. Dẹp xong, ông được Chúa cho giữ chức Chưởng cơ trấn Bình Khang.

Năm 1698, Chúa cử ông làm Kinh lược sứ. Ông dựng hệ thống hành chính và bổ nhiệm quan lại ở Biên Hòa, Gia Định. Nam bộ trở thành lãnh thổ Việt Nam từ đó.

Lịch sử là chuyện đã xảy ra. Nam tiến là điều có thật, ngay từ thế kỷ thứ IX, thứ X. Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) làm một phần việc mà lịch sử Nam tiến đã mở ra. Ông định cương vực phía Nam Việt Nam, đại thể như cương vực hiện thời của nước ta.

Nam Bộ xa xưa thuộc vương quốc Phù Nam. Thế kỷ thứ VI, người Chân Lạp đánh đuổi người Phù Nam. Đất rộng, người Chân Lạp chỉ chiếm một số vùng, toàn bộ lãnh thổ hoang vắng. Các triều đại Chân Lạp giành nhau ngôi vua ở trên chính quốc Chân Lạp và phải đối phó với người Xiêm. Cả một thời kỳ dài gần mười thế kỷ - kể từ vương quốc Phù Nam diệt vong - đất Nam Bộ chỉ được khai phá một số vùng nhỏ rải rác. Từ thế kỷ XV, con người khai phá vùng đất này, ngoài các bộ tộc cổ cưu Mạ, Châu Ro, Stiêng, và một nhóm Khmer, chủ yếu là người Việt. Khi Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) kinh lược, trên đất Nam Bộ đã có bốn vạn dân Việt - có sách nói bốn vạn hộ, đã lập nghiệp hàng trăm năm rồi. Số lượng không nhỏ và thâm niên không mỏng.

Dân số thế giới đến thời kỳ chúng ta đang sống được phân bố qua di chuyển cư dân các vùng gần như liên tục từ thế kỷ XVIII, XIX trở về trước. Ngày nay, cư dân đã ổn định trên tổng thể. Hình thái di chuyển cư dân không lúc nào và ở đâu giống nhau - có bạo lực, có hòa bình, có ồ ạt, có từng bước. Nam tiến của người Việt, kéo dài cả nghìn năm, không hẳn hoàn toàn hòa bình song cũng không hẳn hoàn toàn sắt máu. Nó bình thường - hoặc có phần ít ồn ào so với các cuộc di dân khác trên thế giới. Không ai đặt lại việc

"chiếm cứ châu Mỹ, châu Úc của người da trắng. cũng như không ai đòi người Ấn phải lùi về vùng Caucase, quê cũ của họ.

Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) hoàn tất về mặt pháp lý cuộc Nam tiến của người Việt - hành động bình thường, tất yếu của một thời kỳ lịch sử.

Như đã nói, Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh, đối với việc mở mang bờ cõi Việt Nam giữ vai trò quan trọng trong vòng chín năm (1692-1700). Riêng với Nam Bộ, thời gian ông làm Kinh lược có ba năm (1698-1700). Trong vòng ba năm, một người dù tài năng đến đâu cũng khó thực hiện được những chính sách lớn trên một vùng đất rộng. Cho nên vị trí lịch sử của Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) không giống Nguyễn Cư Trinh, Lê Văn Duyệt, Trương Minh Giảng, Nguyễn Văn Thoại, Nguyễn Tri Phương... sau này. Ông thuộc lớp khai cơ - theo nghĩa người đầu tiên bố trí hệ thống quản lý Nhà nước trên miền đất mới. Ý nghĩa quan trọng nhất của việc làm này nằm ở chỗ dân lưu tán được thừa nhận là công dân của Việt Nam, ruộng đất khai phá được vào bộ sổ chính thức, làng mạc được bảo vệ như mọi làng mạc của lãnh thổ Việt Nam. Sự xác lập cương vực quốc gia đã tranh, ít nhất về mặt pháp lý, những mối đe dọa an toàn từ bên kia biên giới. Cho nên, dân khai hoang xem ông như người đại diện cho Tổ quốc. Ông thỏa mãn cả yêu cầu quyền lợi lẫn tình cảm của dân lưu tán. Có thể nói chính ý thức quốc gia, dân tộc của dân lưu tán đã tôn vinh Nguyễn Hữu Cảnh (Kính). Thời gian ba năm chẳng qua là sự kết đọng của một nguyện vọng đã xuất hiện, nung nấu trăm năm.

Kỷ niệm 300 năm Kinh lược sứ Nguyễn Hữu Cảnh đến Biên Hòa tức kỷ niệm sự định hình thế sông, thế núi Việt Nam mà Biên Hòa là trung tâm hàng đầu. Đó là dịp để người Biên Hòa nhớ nguồn gốc của mình, nhớ công lao của các tiền nhân, hưng phấn tiến lên xây dựng quê hương giàu đẹp...

保大五年七月十六日後裔機
 密院院長大臣太子太傅武顯
 殿大學士福門伯阮有排攜子
 有解女氏楊恭詔堅碑 謹誌

阮朝初拓南中開國功臣上級

永安侯阮有鏡出墓

貴鄉人其玄孫是於嘉隆初年興義道該隊應德侯阮有瓊

MẶT TRƯỚC CỦA BIA

Phiên âm:

- Nguyễn triều sơ thác nam trung khai quốc công thần thượng cấp

- Vĩnh An Hầu Nguyễn Hữu Kính chi mộ.

- Quý Hương nhân kỳ huyền tôn thị ư: Gia Long sơ niên Hưng Nghĩa đạo cai đội Nam đức hầu Nguyễn Hữu Mạn.

Dịch nghĩa:

- Người mở mang đầu tiên miền Nam, bậc khai quốc công thần thượng cấp của triều Nguyễn .

- Mộ của Vĩnh An Hầu Nguyễn Hữu Kính.

- Cháu bốn đời ở Quý Hương là: quan cai quản đạo quân Hưng Nghĩa là Ngũ đức hầu Nguyễn Hữu Mạn lập bia mộ.

MẶT SAU CỦA BIA

Phiên âm:

Bảo Đại ngũ niên thất nguyệt thập lục nhật hậu duệ Cơ mật viện Viện trưởng đại thần Thái tử Thái phó Võ hiền Đại học sĩ Phước môn bá Nguyễn Hữu Bài huê tử hữu giải nữ thị Dương cung xướng thụ bia. Cần chí.

Dịch nghĩa:

Bảo Đại năm thứ Năm tháng Bảy ngày mười sáu, hậu duệ (cháu đời sau) là: Viện trưởng Cơ mật viện đại thần Thái tử Thái phó Võ hiền Đại học sĩ Phước môn bá Nguyễn Hữu Bài cùng con gái, cung kính dựng bia. Kính cần ghi lại (chép lại).

Ghi chú: Tài liệu của Võ Khắc Vui

(13B ngõ Đặng Dung, Hà Nội)

KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM

Ở BIÊN HÒA ⁽⁶⁾

BÙI CÔNG ĐẠNG

⁽⁶⁾ Trích trong cuốn “Mùa thu rồi, ngày hăm ba”, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 1995 – Tập 1 trang 442-446

Trong khởi nghĩa Nam Kỳ (11-1940) ở Biên Hòa có lực lượng vũ trang gần 40 đồng chí, nhưng bị lộ rất sớm nên chính quyền thực dân đàn áp thẳng tay. Một số Tỉnh ủy viên bị địch bắt và bắn chết tại Mỹ Lộc (Tân Uyên).

Tuy trong hoàn cảnh bị khủng bố, các đảng viên còn lại vẫn tiếp tục hoạt động bí mật, vận động quần chúng chống bắt lính đi đánh nhau với Xiêm, rải truyền đơn, dán áp- phích cổ động nhân kỷ niệm lần thứ 23 Cách mạng tháng Mười Nga... Nhiều cơ sở hoạt động tốt như: Nhà máy cưa BIF Biên Hòa, Sở Trường tiền, Sở củi Trảng Bom, Ga Biên Hòa v.v... Nhiều cán bộ cách mạng về ẩn náu tại các đồn điền cao su tiếp tục hoạt động xây dựng cơ sở quần chúng.

Quân Nhật đến Biên Hòa bắt hàng ngàn dân đi phu, đào công sự, làm sân bay, làm đường... dưới làn roi, báng súng vô cùng tàn nhẫn của chúng.

Từ năm 1942, nhiều đồng chí vượt ngục Tà Lài, Bà Rá trở về, một số khác mãn hạn tù bị quản thúc tại Biên Hòa đã tự động gây dựng cơ sở và lãnh đạo đấu tranh. Ở các đồn điền cao su đã có nhiều cuộc đình công, bãi công đòi dân sinh dân chủ Năm 1944, công nhân BIF phối hợp với Sở củi Trảng Bom đấu tranh làm chậm kế hoạch cung cấp 15.000 m³ gỗ đóng tàu cho Nhật bằng cách phá máy, bỏ việc. Công nhân Trường Tiền lãn công trong việc sửa chữa máy móc, xe cộ cho Pháp - Nhật. Cơ sở cách mạng trong binh lính Pháp đã vận động được một số lính người Việt đóng tại thành "xăng đá" (trại lính) bỏ trốn...

Sau đảo chính 9-3-1945, Nhật đưa đốc phủ Nguyễn Văn Quý thay Rivière làm tỉnh trưởng Biên Hòa, bổ nhiệm Cò Phước làm chỉ huy cảnh sát. Các tổ chức do Nhật lập ra như "Thanh Niên ái quốc đoàn", "Thanh niên bảo quốc đoàn" cùng một số chức sắc Cao Đài Tây Ninh tuyên truyền cho thuyết "Đại Đông Á", nhưng nhân dân ta đã quá thấy rõ bộ mặt thật của Nhật qua các hành động dã man đối với những người đi làm xâu như: chặt tay chân, mổ bụng ngựa chết nhét người vào đó rồi khâu lại v.v...

Tháng 5-1945, tại ấp Vĩnh Cửu (xã Tam Hiệp), Liên tỉnh ủy miền Đông họp với đại biểu của các đảng bộ: Tây Ninh, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Gia

định để phổ biến tình hình và nhiệm vụ cách mạng sắp tới. Các đồng chí Hoàng Minh Châu và Huỳnh Văn Hớn là đại biểu của Đảng bộ Biên Hòa. Do các đảng viên hoạt động trở lại ở các địa bàn khác nhau trong hoàn cảnh bí mật nên lúc này vẫn chưa có sự thống nhất về tổ chức lãnh đạo chung toàn tỉnh: Tháng 7-1945, một số đồng chí đã thành lập một Tỉnh ủy và tháng 8-1945 một Tỉnh ủy tạm thời khác được thành lập để chỉ đạo trực tiếp việc chuẩn bị khởi nghĩa. Tuy vậy, hai nhóm này cũng đều nêu cao tinh thần thống nhất huy động quần chúng cướp chính quyền.

Phong trào Thanh Niên Tiền Phong (TNTP) Biên Hòa do ông Huỳnh Thiện Nghệ, một giáo viên có uy tín làm thủ lĩnh, thu hút rộng rãi quần chúng tham gia và hưởng ứng chủ trương cướp chính quyền của Đảng. Nhiều viên chức, tiểu chủ... cũng đi vào hoạt động cách mạng như các ông Nguyễn Đình Ưu, Trần Văn Long, Ba Hiệp... Riêng nhà thầy giáo Thẻ là địa điểm hội họp, liên lạc của các đồng chí ta.

Ngày 23-8-1945, ở dãy phố Sáu Sứ, tại nhà đồng chí Ngô Hà Thành, đồng chí Hoàng Minh Châu chủ trì cuộc họp bàn kế hoạch tổng khởi nghĩa. Theo hướng dẫn của Xứ ủy, hội nghị quyết định mấy việc:

- Khởi nghĩa bắt đầu từ thị xã rồi lan ra toàn tỉnh.
- Trung lập hóa quân Nhật.
- Thành lập ủy Ban khởi nghĩa do đồng chí Hoàng Minh Châu phụ trách, dự kiến thành phần ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời của tỉnh.
- Vận động tỉnh trưởng giao chính quyền cho cách mạng.

Vận động lính mã tà, lính thủ hộ.... nộp súng cho cách mạng.

- Vận động 500 người của thị xã Biên Hòa về tham gia cướp chính quyền. Ở Sài Gòn ngày 25-8-1945, rồi sau đó sẽ giành chính quyền ở Biên Hòa.

- Huy động lực lượng xung kích trong công nhân, Thanh niên tiền phong tự trang bị vũ khí, nhân dân may cờ, khẩu hiệu để sẵn sàng biểu dương lực lượng cướp chính quyền. Từ sáng sớm ngày 24-8, cờ Việt Minh và cờ Thanh niên tiền phong đã xuất hiện rải rác khắp nơi. Chiều 24-8, lúc 14

giờ, nhân dân quận Long Thành đã nổi dậy giành chính quyền. Suốt đêm 24-8, lực lượng thanh niên xung kích rầm rập đi tuần tra trên các đường phố thị xã, khoảng 12 giờ đêm, đoàn xe lửa gồm 4 toa chuyển bánh đưa 500 anh em Biên Hòa về dự biểu tình ở Sài Gòn an toàn. Cũng tối 24-8, tại rạp Trần Diển, trong một cuộc mít-tinh, đồng chí Hồ Văn Đại đã nói chuyện thời cuộc và kêu gọi nhân dân tham gia cướp chính quyền dưới ngọn cờ Việt Minh.

Ngày 25-8, tại Biên Hòa lực lượng cách mạng đã thực sự làm chủ, bộ máy chính quyền cũ hầu như bị tê liệt hoàn toàn. Quân Nhật làm ngơ để ta hoạt động.

Sáng 26-8, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã tập hợp hàng trăm quần chúng tiến thẳng vào Tòa bố Biên Hòa, treo lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên tại dinh tỉnh trưởng. Tuy việc làm này ngoài dự kiến của ủy ban khởi nghĩa, có một số đồng chí không vừa lòng, nhưng nó vẫn có giá trị lịch sử không thể phủ nhận.

Trưa 26-8, lúc 11 giờ, tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý tập hợp những người đứng đầu các Ty Sở tại Tòa bố để giao lại toàn bộ chính quyền cho cách mạng. Về phía ta, nhận bàn giao, có các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hớn và một số đồng chí khác.

Riêng Cờ Phước không có mặt tại buổi bàn giao. 14 giờ cùng ngày, ta đến tước súng của cảnh sát và thu 40 súng của lính mã tà tại Cửa Tiền (cửa trước của khám lớn Biên Hòa). Buổi chiều, toàn bộ công sở đều được cách mạng tiếp quản. Sáng sớm ngày 27-8-1945, tại quảng trường "Sông Phố đã diễn ra cuộc mít tinh quần chúng gần một vạn người để mừng thắng lợi của khởi nghĩa và dự lễ ra mắt của ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Biên Hòa. Đồng chí Dương Bạch Mai đã nói chuyện rất hay tại buổi mít tinh, được mọi người nhiệt liệt hoan hô. Ủy ban tỉnh ra mắt gồm có các đồng chí:

- Hoàng Minh Châu: Chủ tịch.
- Huỳnh Văn Hớn: Phó Chủ tịch kiêm trưởng ban tuyên truyền.
- Nguyễn Văn Long: Phụ trách cảnh sát tỉnh.
- Ngô Hà Thành: Phụ trách Quốc gia tự vệ cuộc (công an tỉnh).

- Ông Kinh lý⁽⁷⁾ Nguyễn Văn Tàng: Phụ trách Ban quản trị tài sản quốc gia tỉnh.

Kết thúc cuộc mít tinh là lễ tuyên thệ của những người tham dự, thay mặt cho hơn 15 vạn nhân dân trong tỉnh thề sẵn sàng hy sinh tánh mạng, tài sản để bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ quốc.

Sau mít tinh, quần chúng tỏa ra các đường phố để tuần hành thị uy. Nhân dân thị xã Biên Hòa đã để sẵn bánh, nước cho những người đi tuần hành dùng không mất tiền.

Ngày 26-9-1945, tại nhà hội Bình Trưóc, trên 40 đồng chí cán bộ Đảng của tỉnh Biên Hòa về họp hội nghị, có đồng chí Hà Huy Giáp, đại diện cho Xứ ủy và đồng chí Dương Bạch Mai tham gia đã quyết định một số nhiệm vụ cấp bách: mở rộng Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc, gấp rút xây dựng và huấn luyện lực lượng vũ trang, củng cố chính quyền các cấp. Về mặt Đảng, hình thành các cấp ủy thống nhất. Cũng tại hội nghị này, Tỉnh ủy Biên Hòa chính thức được bầu gồm 11 đồng chí, do đồng chí Trần Công Khanh làm bí thư.

Từ đó, có sự lãnh đạo thống nhất, nhân dân Biên Hòa khắc phục một số khó khăn, chuẩn bị tích cực cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp quay lại tấn công tỉnh nhà vào sáng 25-10-1945

Kỷ niệm

VỀ TRẬN ĐÁNH ĐẦU TIÊN

VÀO THỊ XÃ BIÊN HÒA NGÀY ĐẦU NĂM 1946⁽⁸⁾

(7) Kinh lý là viên chức coi việc đo đạc ruộng đất, nhà cửa (trắc địa sư)

(¹) Trích trong **Tạp san Hương Bưởi** tháng 8-1985.

NGUYỄN VĂN QUẢNG

Tiếng súng Nam Bộ kháng chiến mà quân dân Sài Gòn tuyên chiến với giặc Pháp còn đang nổ. Ở đây vẫn vẹn hưởng độc lập thiếu hai ngày mới tròn một tháng. Nhưng ở thị xã Biên Hòa quê tôi thì được gần hai tháng (chỉ thiếu một ngày) nên có sự chuẩn bị hơn. Bọn giặc tráo trở cũng đã đến đây. Tiếng súng kháng địch của cả hai nơi lại như đồng thời nổ lên. Quân Pháp và bọn Việt gian chưa nhiều. Quân Anh và tay sai lừa cả bọn Nhật thua trận đang chờ hồi hương, đánh nóng ra thôn quê quận thị xã. Bọn này đông hơn. Thế là cuộc thử lửa bắt đầu! Chúng đã bị đổ máu. Đoàn Thanh niên "Quang Trung" chúng tôi gia nhập hầu hết vào Phân đội 4 . một trong mấy phân đội giải phóng quân của quận Châu Thành (Biên Hòa). Thị xã Biên Hòa nằm chung trong quận này.

Ban chỉ huy Chi đội 10 Biên Hòa . Anh Tá TI Nghệ (Huỳnh Văn Ngil.ệ) là Chỉ huy trưởng . lại tính ra một bài toán. Cũng xin khoan trong góc độ ở buổi khởi đầu lúc đó: "Phải đem sức mạnh trả lời cho sức mạnh". Thế là quân ta từ tam tứ hướng qui tụ về chung quanh thị xã - cũng "trùng trùng lớp lớp" Có cả "ca-nông vanh"⁽²⁾, "tờ-rây đơ"⁽³⁾, "đuôi sét"⁽⁴⁾, "móc-chê"⁽⁵⁾. Khí thế thấy thật là ham hết sức. Tôi được phân công đi trinh sát, dò đường để dẫn quân vào trung tâm thị xã. Chẳng hiểu sao cái nghề trinh sát có lại có sức hấp dẫn tôi rất kỳ lạ. Tôi mê nó còn chính vì Ban Chỉ huy Phân đội 4 tin cậy và thương tôi nhiều lắm: "Chú em mày là tai, là mắt, là cái óc chỉ huy của các "qua"⁽⁹⁾. Những chuyến đi này còn phải dùng cả cái mũi người cho ra "mùi Tây" đó. Thị xã tuổi thơ đối với tôi, ít quen bằng cái núi Bửu Long, ngôi trường Bình Hòa và trường tỉnh ở trung tâm thị xã. Tôi ít ở giữa thành phố. Nhưng khi lệnh ra đi kèm theo lời cổ vũ như thế đúng là sự sùng nhất của đời lính bộ binh.

Tôi phụ trách Tổ trinh sát gồm hai bạn nữa: Lâm Hùng Vĩ và Khoa. Bộ óc, sự hiểu biết về thị xã và "tài năng" ba người được bổ sung cho nhau rất

(2) Đại bác 20 ly; (3) Trọng liên 13,2 ly; (4) Trọng liên 12,7 ly; (5) Súng cối.

(⁹) Tiếng địa phương, tự xưng mình với những người kém tuổi

hoàn thiện. Hai anh hạm này gốc chính là sinh ra và lớn lên giữa lòng thị xã. Hướng chính là Sở BIF, Ga xe lửa, Đài Kỷ niệm, Trường nữ công nữ hạnh, Sở Sen đầm⁽¹⁰⁾, dinh tỉnh trưởng, đã được chúng tôi quan sát xong. Tổ trình sát quay về hướng kho dầu, đầu cầu Gánh... thì đụng ngay một toán địch phục chặn. Bọn này, người to béo, đưa thì trắng đỏ, đỏ như đầu gà chọi, đưa thì đen sì-đen hơn cái nồi nấu cơm của má tôi, đầu đội "bê-rê" bát, vai khoác tiểu liên! Chưa bao giờ "trống ngực" của tôi lại nổi lên như trống hát bội, hình dung có thể người trong xóm cũng nghe thấy được! Và mạch máu hai bên thái dương cũng vỗ nhịp nghe bung bung. Có thể đưa này nghe cả của đưa kia. Có một điều, không thể bị địch bắt. Dù có chết vì đạn địch bắn theo cũng cứ chạy. Bị bắt là đồ bể hết... Phải thật nhanh trí. Chúng tôi băng một khúc quanh nhanh nhất để qua một cửa ngõ nhà dân. Hụp xuống dưới mé rào xương rồng. Bỗng chồm lên nhảy vọt qua như những con mền chạy chết trước đàn chó đang săn đuổi. Lao lách đến cuối xóm nhỏ. Băng nhanh qua cuối đồng ruộng, đụng rạch áp Thị. Nước đã ròng. Cùng đường rồi chằng? Tiếng súng Mix-ten nổ rào rào qua đầu, qua chân. Địch cố vây, cố đuổi, cố hò hét! Nhưng có lẽ do da chúng bọc toàn mỡ lại mang cái bụng "ông địa" nên không thể đuổi kịp chúng tôi. May nhờ gặp một chị gánh hàng. Chị vừa khoát tay chỉ vào một nhánh rạch nhỏ, bảo chúng tôi nhảy xuống đó rồi bò qua bên kia bờ. Đàng đầu rạch áp Thị đã xuất hiện một toán giặc thứ hai. Kia kìa! Chúng tôi "phốc" xuống rạch như ba con ếch. Trời ơi! Bùn ngập lún quá bụng. Cựa quậy gần bất lực, nhưng phải cố trườn vào bờ bên kia. Leo lên thật nhanh, băng vào một đám mía, mở nước rút (loại 10 giây rưỡi trên 100 mét) rồi tới Cầu Lớn. Đây là đầu đường về Tân Mai - nơi đặt Sở Chỉ huy Phân đội (Tân Mai có xí nghiệp gỗ và giấy bây giờ). Chưa bao giờ chúng tôi lại chạy nhanh đến thế! Và cũng chưa bao giờ chúng tôi đã phải thở vừa bằng mũi, bằng miệng, bằng mắt, bằng tai và hình như tóc cũng thở như vậy. Bọn địch điên tiết, bắn như xay lúa. Chúng đốt luôn đám mía, sục sạo như tìm ở từng gốc cỏ xem Việt Minh còn trốn chỗ nào!

⁽¹⁰⁾ Sở Sen đầm: Hiến Binh

Bây giờ thì chúng tôi mới nhìn rõ lại khuôn mặt của nhau, đều bê bết những bùn, và mới buông ra được tiếng cười nhẹ nhõm đầu tiên! Rất khoái! Ghé qua lò bánh trắng, mua mỗi đĩa năm cái, vừa đi vừa nhai. Lại tiếp bị ba chiếc xe "bù lu" (bọc thép) từ hướng nhà máy cưa định chạy ra chặn đầu. Chúng tôi chuyển sang vừa chạy vừa nhai...

... Đúng kế hoạch, đêm mùng 1 rạng mùng 2 tháng giêng năm 1946 nổ súng. Cánh quân do chúng tôi dẫn đường, đi đúng nẻo, vào đúng vị trí. Tiến quân như "bao chiến sĩ anh hùng",... "vung gươm ra sa trường... dưới những làn đạn vạch đường, đạn lửa đạn chéo dọc ngang. Khắp bầu trời thị xã như sôi lên ùng ục pha lẫn sấm sét. Lửa cháy sáng rực. Súng nổ rền trời. Lựu đạn đem theo nổ ùng ình như pháo đại. Những nơi ta định đến, đều đến được - trừ một số hầm nhà cố thủ của bọn địch. Ta kiểm soát gần hết thị xã. Gần sáng, quân ta rút về. Khói đen còn dựng cột giữa lòng thị xã. Tiếng súng còn lác đác nổ. Một đám tù binh Việt gian được trói dãn lếch thếch đi theo đoàn quân. Chúng tôi đi vừa hăng hái bình luận. Mệt thì có mệt nhưng rất vui.

Bọn địch bị choáng váng. Sức mạnh được đem ra trả lời. Vừa báo hiệu với chúng rằng "ăn tươi nuốt sống" xứ này và lần này không phải dễ. Phải chăng đây cũng là một lần tập dượt buổi đầu về cách phân tán và tập trung đánh lớn của Chi đội 10 Biên Hòa. Nên nhớ vậy, chỉ hơn một năm sau, Chi đội liên tiếp lập nên những kỳ công vang dội như ở Trảng Táo - Gia Huynh, ở Bảo Chánh, Bàu Cá bằng những trận đánh thắng xe lửa - đúng là "nảy lửa". Để rồi cuối năm đó, nhân kỷ niệm lần thứ nhất cuộc kháng chiến toàn quốc, Chi đội lại tập trung đánh giao thông lớn tại Đồng Xoài - trên quốc lộ 14, diệt một đoàn xe địch khá đông vận chuyển lên Buôn Mê Thuột. Và đầu năm sau, lại thắng luôn một trận ở Là Ngà rất lừng lẫy.

*

* *

Trận đánh vào thị xã Biên Hòa đêm 1 rạng 2-1-1946 là trận đột phá đầu tiên của Vệ Quốc Đoàn tỉnh Biên Hòa đánh vào một đô thị ở Nam Bộ khi thực

dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai. Tuy quân ta chưa chiếm giữ được mục tiêu nào nhưng đã gây tiếng vang lớn và có ý nghĩa rất quan trọng, đập tan luận điệu tuyên truyền của bọn thực dân rêu rao là "đã bình định xong Nam Kỳ".

Tiếng súng Biên Hòa đã cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân Sài Gòn và các tỉnh Đông Nam Bộ, kêu gọi và tập hợp ngay càng đông đảo các tầng lớp nhân dân yêu nước từ các nơi về Biên Hòa, về chiến khu Đ tham gia lực lượng kháng chiến chống Pháp.

NHỚ LẠI TRẬN LÀ NGÀ ⁽¹⁾

Nguyễn Văn Lung

Một ngày cuối năm 1982, đồng chí Lương Văn Nho, Phó tư lệnh Quân khu 7 báo tin tỉnh Đồng Nai đã xếp hạng trận phục kích Là Ngà ngày 1-3-1948 của chi đội 10 giải phóng quân do tôi chỉ huy, dự định dựng một bia đài chiến thắng tại nơi diễn ra trận đánh. Tôi đã cùng đồng chí Nho và các đồng chí lãnh đạo của tỉnh khảo sát lại trận địa cũ, chọn vị trí dựng đài. Tất cả nhất trí nhanh, chọn đồi Trung tâm trên đường 20, nơi đặt sở chỉ huy trận đánh, vừa là ngọn đồi bề thế cao nhất vùng, bốn phía nhìn về đều thấy rõ.

Từ trận đánh, đã 35 năm trôi qua, bao đổi thay kỳ diệu. Trận địa hồi đó trên quãng đường dài gần 15 km từ cầu Là Ngà đến Định Quán chỉ rừng là rừng. Dân bị gom hết vào các khu tập trung, không còn một bóng nhà. Nay thì hai bên đường, vườn tược, ruộng rẫy bạt ngàn, sum suê cây trái, xen vào san sát nhà dân, trụ sở cơ quan, trường học, trạm xá, nhà hộ sinh, nhiều nhà đã lợp ngói đỏ tươi trông vui mắt biết bao. Bên cầu Là Ngà, trên nền bốt cũ đang mọc lên nhà máy đường hiện đại, công suất lớn.

Trên đường về, kỷ niệm trận đánh diễn ra trong tâm trí tôi chậm chậm như một cuốn phim. Trong cuộc chiến đấu 30 năm qua của quân và dân ta, trận Là Ngà chỉ là một trận nhỏ, nhưng với tỉnh Biên Hòa ở thời điểm 1948

⁽¹⁾Trích trong cuốn "**Mùa thu rồi, ngày hăm ba**" NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội - 1996 - Tập II. Đồng chí Lung, nguyên chỉ đội phó chi đội 10, chỉ huy trận đánh.

đánh dấu một bước trưởng thành của lực lượng vũ trang, góp một viên gạch vào việc xây nên tượng đài vinh quang chung của Tổ quốc.

Chiến sĩ Là Ngà nay ai còn, ai mất? Trước hết là anh Tám Nghệ người anh cả của chi đội 10 đang yên nghỉ ở quê hương, giữa lòng chiến khu Đ yêu dấu, bên dòng sông Đồng Nai xanh mát. Anh Đinh Quang ân, anh Hoàng Minh Chánh và bao đồng chí khác nay không còn nữa. Tôi tự nhủ với lòng mình có trách nhiệm với các đồng chí đã ra đi làm sống lại trận đánh bằng nhớ lại và kể lại người thật, việc thật của nó.

Thu Đông 1947, địch thất bại nặng trong cuộc tấn công lên Việt Bắc. Những chiến thắng vang dội của quân và dân ta, nhất là chiến thắng sông Lô, cổ vũ chiến trường miền Nam rất lớn. Ở Nam Bộ, địch bị động chuyển từ tấn công vào các căn cứ ta sang bình định vùng tạm chiếm. Một thời gian sau khi đưa Bảo Đại về làm "quốc trưởng", địch huênh hoang đã bình định xong Nam bộ, Việt Minh bị tiêu diệt gần hết, còn chằng chỉ là "đám giặc cỏ" trốn chui trốn nhủi trong rừng sâu, thiếu vũ khí đạn dược, ăn đói, mặc tình, ốm tong teo, năm - bảy người đeo một cành đu đủ không gãy. Nhân dân không tin, nhưng địch nói đi nói lại mãi cũng có người bán tín bán nghi. Đối với quân đội chúng, chúng còn xuyên tạc Việt Minh rất tàn ác, đã gặp thì phải đánh đến cùng, đầu hàng hay bị bắt là cầm cái chết trong tay.

Được đơn vị Quân Báo báo cáo: Pháp sẽ mở một cuộc họp quân chính với chính quyền bù nhìn Bảo Đại ở Đà Lạt vào cuối tháng 2 hoặc đầu tháng 3 năm 1948. Các quan chức cả Pháp và bù nhìn đều đi công-voa từ Sài Gòn theo đường 20 lên Đà Lạt tham dự cuộc họp.

Sau khi thảo luận sôi nổi, cân nhắc nhiều mặt, cuộc họp liên tịch giữa Đảng ủy và Ban Chỉ huy Chi đội đã hạ quyết tâm phục kích đoàn công-voa địch trên đường 20, đoạn từ Là Ngà đến Định Quán. Quyết tâm được Tỉnh ủy Biên Hòa chấp thuận. Đồng chí Tám Nghệ, Chi đội trưởng được đề bạt lên làm Khu bộ phó. Tôi được phân công chỉ đạo việc chuẩn bị. Vấn đề gạo là hóc búa nhất, dù chiến sĩ ta chỉ háo hức được đi chiến đấu, không đòi hỏi gì ngoài gạo, muối với rau rừng. Trận đánh huy động đến cả 1.000 người kéo

dài từ 7 đến 10 ngày. Công sức bỏ ra quá lớn không lẽ không có gạo đành bỏ dở trận đánh Gạo từ chiến khu Đ đưa lên quá xa và dễ bị lộ. Mà ở Xuân Lộc thì nhân dân bị địch càn quét liên miên, sản xuất không đủ ăn, làm sao mà đóng góp. Nhưng Ban Chỉ huy đại đội B hoạt động tại địa phương và các đồng chí huyện đội Xuân Lộc đã quả quyết làm được. Dù bị địch kiểm soát gắt gao nhưng nhân dân vẫn hướng về kháng chiến, đồng bào các dân tộc, công nhân các đồn điền cao su tìm mọi cách ủng hộ, mua giùm, bí mật chuyển ra căn cứ, dần dần được 7 tấn gạo, đủ phục vụ trận đánh.

Kế hoạch là ngày 1-3-1948 sẽ tiến hành trận đánh. Lệnh của Ban chỉ huy Chi đội và cũng là Ban chỉ huy trận đánh giao các đơn vị tham gia chiến đấu phải có mặt đầy đủ tại vị trí tập kết ngày 28-2-1948, không được sớm hơn hoặc trễ hơn. Đồng chí Tám Nghệ, Chi đội trưởng đã lên Khu. Tôi - Chi cục phó được phân công phụ trách chỉ huy tác chiến, đồng chí Võ Cương, chính trị viên, đồng chí Đào Văn Quang, Chi đội phó, phụ trách quản trị.

Những trận đánh các đơn vị đều tập trung về căn cứ và hành quân chung đến trận địa. Lần này nhằm giữ bí mật tuyệt đối từng đơn vị đến một vị trí có liên lạc của chi đội dẫn đến khu tập kết. Trừ cấp đại đội, từ trung đội đến chiến sĩ chưa được phổ biến địa điểm sẽ diễn ra trận đánh.

Kế hoạch giữ bí mật được các đơn vị chấp hành rất nghiêm. Nhưng một sự việc khá bất ngờ và lý thú. Ở chiến trường Xuân Lộc, đại đội B do đồng chí Đinh Quang Ân, chỉ huy thường hoạt động chung với trung đội Quốc vệ đội (công an). Tất cả các trận đánh lớn - nhỏ, hai đơn vị đều phối hợp với nhau, tạo mối quan hệ gắn bó, tin cậy lẫn nhau. Do kỷ luật giữ bí mật, khi nhận lệnh hành quân, hai trung đội của đại đội B không dám cho trung đội Quốc vệ đội biết mà cắt rừng đi lén lỏi sau. Khi hay tin, trung đội Quốc vệ lập tức cấp tốc hành quân đuổi theo bắt kịp, trách móc và năn nỉ đồng chí Ân cho cùng đi đánh, tuy không biết đánh gì, ở đâu! Đồng chí Ân kẹt vào cái thế: cho bạn đi theo thì vi phạm kỷ luật, không cho đi thì phải nói rõ lý do cũng vi phạm kỷ luật, cuối cùng phải cho đơn vị bạn đi theo nhưng

quản lý chặt, ém luôn không báo cáo với Ban chỉ huy Chi đội. Trận đánh thắng lợi, đồng chí mới báo cáo và xin nhận kỷ luật, Ban chỉ huy đã bỏ qua.

Chiều 29-2-1948, bộ đội mới được phổ biến kế hoạch trận đánh nhưng vẫn giữ bí mật địa điểm. Chính trị viên Chi đội nhấn mạnh cho cán bộ, chiến sĩ noi gương quân và dân Việt Bắc, trận này quyết giành cả thắng lợi quân sự và chính trị, chấp hành nghiêm chính sách đối với nhân dân đô thị, với tù binh.

Anh em không lo lắm về ăn mà rất lo về uống, vì mùa này trời nắng gắt, ngoài nước sông Đồng Nai, cả vùng không còn một giọt nước. Mỗi người đã chuẩn bị cả một ống bương đựng nước, mặt khác, Chi đội đã có kế hoạch cho cấp dưỡng tiếp tế nước từ sông về.

Trời sáng, đứng trong rừng nhìn ra thấy mặt đường rải nhựa bóng loáng, nhẵn lì, ai nấy đều tấm tắc khen đường làm tốt quá, nhưng đến lúc chôn mìn mới thấm thía: mặt đường càng tốt, càng khó nguy trang. Nếu địch phát hiện có dấu chôn mìn chúng sẽ không dẫn thân vào trận địa thì toàn bộ kế hoạch của ta sẽ tan thành mây khói. Bàn đi bàn lại, làm cách này cách khác, dấu vết trái và dây mìn cứ lộ lộ. Mọi người nhìn nhau tưởng như bế tắc. Bỗng một đồng chí kêu lên: "Này các bạn! Xem con thú nào ăn gì thường hay vung vãi trên mặt đường Chỉ có voi rừng ở vùng này thường đi từng đàn phóng uest ra đây đó. Sáng kiến vụt đến với các chiến sĩ, rồi cùng nhau đi nhặt phân voi để nguy trang nơi chôn mìn là chắc ăn nhất, vì quen mắt địch nhất, địch sẽ không ngờ đến.

Trong khi các chiến sĩ ở trận địa phục kích chính tại đường 20 làm công tác chuẩn bị chiến đấu, thì ở miệt đường số 1 (Hố Nai đi Trảng Bom) cách trận địa chính 50-60 km và Trảng Bom - Dầu Giây cách 40-50 km, một trung đội của đại đội B cùng với du kích tập trung và du kích xã thuộc hai huyện Vĩnh Cửu và Xuân Lộc phá đường, chặt cây chuẩn bị đánh tĩa quấy rối làm cho đoàn xe phải đến Là Ngà chậm từ 2 đến 3 giờ và bị mệt mỏi, giảm sức chiến đấu.

Ngày 1 tháng 3 năm 1948. Từng giây phút trôi đi trong niềm thấp thỏm đợi chờ. Mặt trời ngày một lên cao, không khí mỗi lúc càng thêm hầm hập nóng. Người này, người nọ chốc chốc lại hỏi nhau mấy giờ rồi?. Thời gian trôi đi sao mà chậm thế! 12 giờ, rồi 13 giờ chiều rồi vẫn chưa có tin đoàn xe địch đến. 14 giờ, máy bay trinh sát cũng biệt dạng. Hay mặt trận phụ đã làm quá, địch hoảng sợ quay về Biên Hòa rồi! Riêng tôi, tôi tin mặt trận phụ hoàn thành kế hoạch, và cử cán bộ đến từng chiến sĩ nhắc nhở, động viên kiên trì chờ đợi. Anh em càng sốt ruột càng khát tợn. Bao nhiêu nước dự trữ đã uống sạch. Khát! Khát khô cổ, khát ghê gớm. Bỗng tin mừng lan nhanh: các đồng chí cấp dưỡng đã băng đường xa, nắng gắt rồi luôn rừng vát và khiêng nước hàng mười mấy cây số từ sông về tiếp tế. Ngụm nước mát lòng mát dạ và cũng mát cả tình nghĩa đồng đội làm cho anh em yên tâm chờ đợi và sẵn sàng lao vào địch.

Lời khai của tên trung úy Giép-phờ-rây (Joeffrey), chỉ huy đại đội bảo vệ đoàn xe khi bị bắt làm tù binh đã nói lên công tích của mặt trận phụ: "Ngày 1-3-1948, 6 giờ sáng, đoàn xe Sài Gòn - Đà Lạt gồm 69 chiếc trong đó một số xe "dịp" chở nhiều sĩ quan cao cấp, 5 xe ca chở một số vị có tên tuổi trong giới tư sản bản xứ và Pháp lên Đà Lạt nghỉ mát, tránh cái nóng gắt ở Sài Gòn. Vợ và con gái nhỏ của tôi cũng tháp tùng đi Đà Lạt. Trời đẹp, mọi người có cảm giác đang làm một cuộc du lịch thú vị. Từ Sài Gòn đến Biên Hòa, đoàn xe đi thông dong. Nhưng từ Hồ Nai trở đi lắm chuyện rắc rối. Chỗ thì du kích phá đường, chỗ thì chặt cây ngã xuống đường, chỗ thì chỉ có một cái hố con con phủ lá cây, công binh phải xuống cắt cây dọn cây, dò mìn. Dọn xong đoạn này, đi vài trăm mét lại phải dọn tiếp. Chỉ nhảy xuống trèo lên xe nhiều lần cũng đủ mệt nhoài, hướng chỉ nắng gắt mồ hôi càng nhễ nhại. Tệ hại hơn, thỉnh thoảng du kích bắn mấy loạt rồi biến mất. Binh lính bắt đầu có người bị thương, người chết. Quá 12 giờ, đoàn xe mới rẽ sang đường 20. Đến 14 giờ 20 phút, đoàn xe mới tới Là Ngà. Tôi cho đoàn xe dừng lại. Vì xếp bót báo cáo tình hình không có gì lạ nhưng trước đó hai ngày, phía sông Đồng Nai có nhiều ngọn núi khói bốc lên. Lo lắng, tôi gọi điện báo cáo với đại tá Ta-lét, chỉ

huy khu vực Đồng Nai Thượng, đề nghị cho thêm quân hộ tống hoặc nghỉ lại Là Ngà, sáng mai đi tiếp. Đại tá Ta-lét trả lời dứt khoát: "Không được. Phải đi ngay, vì đây là khu vực đã định rồi. Nếu có du kích chằng qua cũng như buổi sáng. Nghỉ đêm ở Là Ngà còn rắc rối gấp bội". Tôi gắng xin quân từ Lâm Đồng xuống đón, đại tá Ta-lét phát câu ra lệnh vắn tắt: "Đi ngay, vừa đi, vừa bắn mạnh vào hai bên đường xua đuổi du kích".

Qua lời khai trên, chúng tôi càng thấy rõ tại sao đoàn xe địch đến chậm và nổ súng bừa bãi làm cho anh em lo lắng, tuy Ban chỉ huy vẫn bình tĩnh lệnh các mặt trận giữ bí mật đến cùng, không được tự động nổ súng.

Thế rồi phía trận địa A rền lên mấy tiếng nổ như sấm kèm theo tiếng súng như giông như bão. Chúng tôi thờ phào nhẹ nhõm. Thế là trận đánh đã bắt đầu. Chiếc thiết giáp đi đầu bị mìn hát bồng khỏi mặt đất, đang đà lao thêm mươi mét mới bốc cháy nằm bẹp gí, chắn ngang đường. Lúc đó là 15 giờ 12 phút. Đại liên, trung trên, lựu đạn nổ, lựu đạn cháy chai xăng kíp đã làm cháy ngay những phút đầu cả chục xe địch.

Đoàn xe địch vật vã, lỏng lộn, quần quai, cái quay ngang cái lật ngửa. Quân ta hò reo vang dậy, ào ạt xung phong. Xác định ngồn ngang trên xe, dưới đường.

Trong số địch chết có nhiều sĩ quan: đại tá Đờ-sê-ri-nhê (De Sérigné) chỉ huy bán lữ đoàn lê dương số 13 xác vất ngang qua xe díp như con bò mộng. Ta thu chiếc cặp tài liệu, trong đó có danh sách 25 sĩ quan chỉ huy, tham mưu và hậu cần đi trên xe lên dự hội nghị ở Đà Lạt, đại tá Pa-ru-ít, phó tham mưu trưởng thứ nhất quân đội Pháp ở miền Nam Đông Dương, thiếu tá chỉ huy phân khu quân sự Hóc Môn, đại úy Giăng Cu-vơ-rơ...

15 giờ 57 phút, trận đánh kết thúc. Quảng trường ngót chục km khói lửa ngất trời, chốc chốc lại gầm lên tiếng nổ dữ dội, đạn, phuy xăng nổ, bánh xe nổ.

Quân ta hoàn toàn làm chủ trận địa. Do bên ta ít người bị thương lệnh cho Quân y các mặt trận đến băng bó, chăm sóc số hành khách đi theo và binh lính địch.

Đối với binh lính địch bị thương và những hành khách lớn tuổi, trẻ em không đi xa được, khoảng 50 người, ta chủ trương giải thích chính sách của kháng chiến và phóng thích ngay tại chỗ, nhắn họ về báo cho bà con Sài Gòn biết rằng còn 220 người gồm hành khách và binh lính bị bắt cũng sẽ được trở về hết. Mấy chục người này mới gặp bộ đội ta còn hoang mang khiếp sợ, chưa nói với nhau được mấy lời, nhưng qua thái độ của chiến sĩ ta và được tin cho về, họ hết sức mừng vui và khi chia tay thật cảm động. Một "bà phước" khi chiến trường còn vang tiếng súng, đã hốt hoảng chạy ngã túi bụi, rúc đầu xuống đất kêu lên: "Xin Chúa cứu vớt con khỏi tay kẻ dữ". Lúc chị cứu thương của ta đến an ủi, cho uống nước và dắt đến chỗ ẩn nấp, bà ta còn nhắm nghiền hai mắt không nhìn "quân cộng sản". Thế mà giờ đây, bà tháo chuỗi dây đeo Thánh giá choàng lên cổ Trung đội trưởng Lê Ngọc Sinh, rồi chấp tay lẩm nhẩm: "Xin Chúa ban phước lành cho chiến sĩ Việt Nam". Mấy cô nữ sinh trường "Bò câu trắng" Đà Lạt, ban chiều sợ, khóc không ra tiếng, cứ líu ríu quanh bà phước, bây giờ lại quyen luyến không muốn rời những chiến sĩ cách mạng "đánh địch thì dữ như cọp, mà đối xử với dân lại hiền như đất".

Trong số địch bị thương, có viên trung úy Giép-phờ-rây (Joeffrey), chỉ huy đoàn xe bị trúng đạn gãy chân không đi được đáng lẽ được phóng thích ngay cùng tốp đầu, nhưng vợ anh ta khóc lóc khẩn khoản quá. Sau khi bàn bạc cân nhắc kỹ, Ban chỉ huy Chi đội quyết định cho khiêng về cùng vợ và con anh ta, chăm sóc chữa lành vết thương rồi thả về sẽ tác động sâu sắc đến hàng ngũ quân đội Pháp.

Anh em phải vất vả dìu dắt đến sáng mới đưa được hành khách và tù hàng binh về đến khu tập kết. Họ được phân về sinh hoạt ăn uống với các trung đội. Chúng tôi đi một vòng, đâu đâu cũng thấy không khí đã cởi mở thật sự. Nhiều bà, nhiều cô ngồi hoặc nằm trên võng của chiến sĩ, cười nói rất thoải mái. Đến bữa ăn, họ vui vẻ nhận và ăn ngon lành khẩu phần một vắt cơm với một miếng cá khô nướng. Đặc biệt, nhóm thanh niên Sài Gòn đi chơi Đà Lạt "không may gặp bữa hết hồn", giờ lại cảm thấy may mắn được

sống một ngày "cắm trại" ở bưng biển. Họ tỏ ra tích cực tìm hiểu cuộc kháng chiến và đời sống của chiến sĩ. Nghe một cán bộ nói kháng chiến còn dài, đời sống bộ đội còn gian khổ, một nữ thanh niên nhanh miệng tiếp: "Các anh gian khổ mà hiên ngang". Có cô còn gặp bạn cũ "xếp bút nghiên lên đường chiến đấu" từ ngày quân Pháp khởi hấn nay thấy bạn rần rỏi, già dặn mà rất tình cảm, ngỡ ý xin ở lại chiến đấu.

Có một giáo sư người Pháp tên Hoa-rô , có con là trung úy Hoa-rô, trưởng phòng thù Phân khu Xuân Lộc và một nhà báo Pháp tên Ra-un-sen suốt ngày ngồi trầm ngâm, nhưng sau một ngày sống với bộ đội ta, khi được cho trở về, giáo sư Hoa-rô đã bộc lộ suy nghĩ của mình trước đồng chí Võ Cương và tôi "Những điều tai nghe mắt thấy đưa chúng tôi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, hoàn toàn trái ngược với những gì tôi biết trước đây qua tuyên truyền chính thức của Chính phủ Pháp. Là giáo sư sử học, tôi hiểu chính nghĩa thuộc về các bạn, các bạn nhất định thắng. Từ thâm tâm, chúc các bạn sớm thành công". Một bà trung niên người Việt ăn mặc sang trọng tay dắt đứa con gái trạc 20 tuổi khá xinh, tay xách va li nói: "Không biết các ông giáo dục sao mà chiến sĩ nào như chiến sĩ này từ cử chỉ, lời nói đến cách đi đứng đều lễ độ khiêm tốn, dễ thương. Cám ơn anh em bộ đội cách mạng". Viên Trung tướng Giép-phờ-rây (Joeffrey) được ta kết hợp Đông-tây y bó cho liền xương đã tiết lộ: ở Quân y viện Pháp, bị gãy xương như anh ta, bác sĩ thường cắt bỏ để điều trị được nhanh.

Anh Tám Nghệ, Khu phó kiêm Chi đội trưởng Chi đội 10, sau khi hoàn thành công tác ở Rừng Sát trở về, nghe tin Chi đội thắng to cắt rừng đón bộ đội, đem theo một số tờ báo tiếng Việt xuất bản ở Sài Gòn chiều ngày 2/2/1948 do cơ sở nội thành đưa ra. Trang nhất đặc kín những hàng chữ lớn:

- Một trận phục kích chưa từng có.
- Chín chục phần trăm đoàn xe có hộ tống bị Việt quân diệt.
- Đại tá Đờ-sê-ri-Nhê (De Sérigné) chỉ huy bán lũ đoàn Lê dương thứ nhất tử trận.

- 150 binh sĩ thiệt mạng. Một số lớn mất tích, trong đó có một số sĩ quan.

Thế ra địch bị thiệt hại lớn hơn ta nắm được.

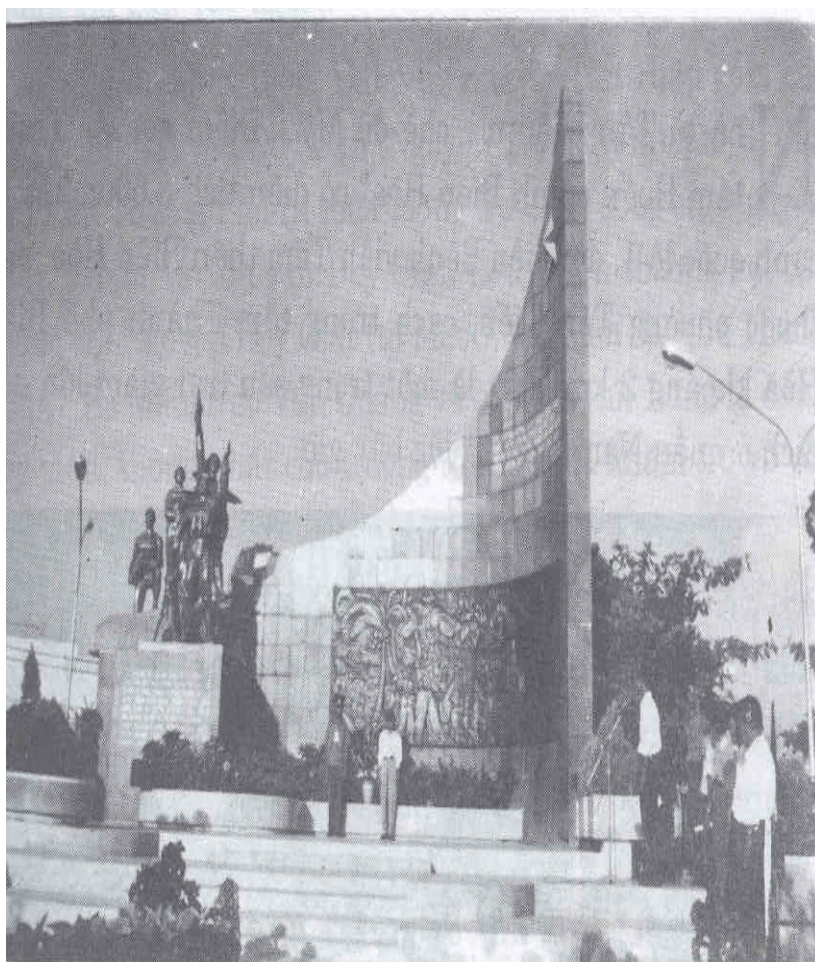
Anh Tám Nghệ còn cho biết, không rõ nguồn tin nào, đồng bào đâu đâu cũng nhỏ to, xôn xao bàn tán về chiến thắng to lớn của đảng mình, chưa hài lòng với tin công khai, đang sẵn tin sốt dẻo do nhân chứng mắt thấy tai nghe tại chỗ kể lại.

Thực dân Pháp cố tình che đậy sự thật, bịt bốt tiếng vang của trận Là Ngà. Nhưng khốn nỗi, chính vì họ "Đờ" bị tang tóc nên Là Ngà càng dội mạnh vào Sài Gòn và cả Paris. Họ "Đờ" bên Pháp thúc Quốc hội chất vấn Chính phủ, Chính phủ Pháp lại truy trách nhiệm tướng chỉ huy ở Đông Dương, Dờ-la-tua (De Latour), chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Nam Đông Dương thì truy tên La-lét. Vợ của Đờ-sê-ri-nhê (De Sérigué) phát đơn kiện Ta-lét trước tòa án quân sự. Ta-lét uống thuốc độc tự tử. Thế là trận Là Ngà, Pháp không chỉ mất hai mà ba đại tá.

Chiều ngày 2/3/1948, tốp đầu tiên 50 người gồm hành khách, binh lính bị thương được ta băng bó thả về đã đến Sài Gòn, dù bọn cầm quyền răn đe nhưng họ đã kể lại hết những điều tai nghe mắt thấy.

Chiều ngày 3/3/1948, lại đến lượt 220 người, gồm cả Việt, Pháp, Ấn, Hoa, những người đã sống cả ngày đêm với bộ đội cụ Hồ cũng về tới. Dư luận lại rộ lên. Cuộc bàn luận về trận Là Ngà, về bộ đội của cụ Hồ càng lan rộng khắp nơi len lỏi cả vào các trại lính Pháp. Nhà báo Ra-un Mi-sen (Raoul Michel) được ta thả, bị đồng nghiệp bám sát mọi tin. Anh nói: "Cần viết đúng sự thật mà sự thật khác hẳn những gì chúng ta đã từng viết". Vợ trung úy Giép-phờ-rây (Joeffrey) nói: trước kia, tôi chỉ biết Việt Minh qua báo Ca-ra-ven (báo của quân đội Pháp) và báo Sài Gòn. Đó là những ảnh bị bóp méo 100%. Được hỏi: "Chị có chắc chồng của chị được về không?". Chị ta vững tâm trả lời: "Nhất định chồng tôi được cứu chữa chu đáo và sẽ về với mẹ con tôi".

Viên trung úy được ta chữa lành vết thương và đi lại được. Ta báo trả về cho phía Pháp, nhưng gần một tháng không thấy Pháp trả lời vì đang lúng túng "nhận" hay "không" cũng đều bất lợi. Cuối cùng, ta cử một nữ cán bộ Quân y là chị Lương Thị Tương nói thạo tiếng Pháp dẫn Giép-phờ-rây giao thẳng cho bót Cây Đào⁽¹²⁾ buộc chúng phải nhận và không dám để Giép-phờ-rây ở Đông Dương mà đưa thẳng về Pháp



Tượng đài Chiến Thắng sân bay Biên Hòa

(¹²) Nay là xã Thạnh Phú, thuộc huyện Vĩnh Cửu (Đồng Nai)

Ghi chép
về cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp
(2-12-1956)

LÊ HOÀNG QUÂN ⁽¹³⁾

Nhà tù Tân Hiệp mà chế độ Mỹ - Diệm gọi là "Trung tâm Huấn chính Biên Hòa" có diện tích 3.600m² nằm cạnh quốc lộ 1, đối diện Bệnh viện Tâm thần Biên Hòa, nay thuộc phường Tân Tiến, cách trung tâm Thành phố Biên Hòa khoảng 2 km. Đây là một trong sáu trại giam lớn của địch ở miền Nam nước ta lúc bấy giờ.



⁽¹³⁾ Nguyên Bí thư Thành ủy Biên Hòa. Bài viết dựa theo cuốn sách "**Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp**" của BTV Thành ủy Biên Hòa

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, thực hiện chủ trương "tổ cộng, diệt cộng, Mỹ - Diễm đã bắt bớ, tra tấn và giam cầm các đảng viên cộng sản, những người kháng chiến cũ, kể cả nhiều người yêu nước không đồng chính kiến với chúng. Toàn bộ nhà tù Tân Hiệp đến thời điểm tháng 12/1956 đã giam giữ 1.872 người trong 7 trại, mỗi trại chỉ rộng 198m², có lúc giam giữ gần 400 người.

Vào giữa năm 1956, Đảng ủy nhà tù Tân Hiệp gom các đồng chí: Nguyễn Duy Đán (Nguyễn Trọng Tâm) làm Bí thư, Võ Văn Thuận, Phó Bí thư thường trực, các đồng chí Nguyễn Văn Thâm và Nguyễn Duy Sinh là ủy viên thường vụ, các đồng chí Nguyễn Duy Giác (tự Mười), Vũ Xuân Sắc (Lê Thanh Vân), Ba Mậu, Ngô Văn Quảng và Nguyễn (tức Lâm) là đảng ủy viên, thống nhất chủ trương tổ chức phá khám trở về với cách mạng.

Công tác chuẩn bị được tiến hành tuyệt đối bí mật, chặt chẽ và chu đáo. Đội xung kích gồm những đồng chí khỏe mạnh có kinh nghiệm chiến đấu do đồng chí Nguyễn Văn Cội, nguyên Huyện đội phó huyện Củ Chi làm đội trưởng, đồng chí Lê Minh Toàn làm chính trị viên. Tổ liên lạc dẫn đường có 6 người do đồng chí Ngô Văn Quảng làm tổ trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Chuộng được Đảng ủy cử làm trưởng đoàn tù vượt ngục trở về căn cứ.

Chiều ngày chủ nhật 2-12-1956, nhà tù Tân Hiệp vẫn trong không khí bình lặng như mọi ngày. Sinh hoạt của tù nhân vẫn diễn ra theo giờ giấc qui định của trại. Sau buổi cơm chiều, đúng mười bảy giờ ba mươi phút, đài phát thanh Sài Gòn phát thương trình cổ nhạc. Anh chị em tù nhân tập trung người trước cửa trại vừa nghe nhạc vừa đợi giờ vào trại. Đông nhất là trại D, E, G. Một số anh em còn lảng vảng ở quanh sân, gần cột cờ và các bót gác. Tiếng cười nói râm ran như mọi ngày nhưng tiềm ẩn bên trong của mỗi người là nỗi niềm băn khoăn giục giã trước giờ hành động. Nổi dậy phá khám, cướp súng địch trở về với Đảng, với dân sẽ là một cuộc chiến đấu vô cùng cam go, gian khổ và ác liệt có thể không tránh khỏi hy sinh. Nhưng hầu hết đều khẳng định sự quyết tâm, vì cần có sự sống để chiến đấu giải phóng quê hương đất nước, giải phóng đồng bào ta khỏi bàn tay độc ác của Mỹ - Diễm, là lý tưởng cao đẹp nhất của người chiến sĩ cách mạng.

Mười bảy giờ bốn mươi phút, tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích không ai bảo ai đều đã ở tư thế sẵn sàng, các tổ xung kích áp sát những mục tiêu đã được phân công. Mọi hoạt động của lực lượng chủ công đến giờ phút này vẫn giữ được hoàn toàn bí mật.



Nơi có cuộc nổi dậy phá khám ngày 2.12.1956, giải thoát 462 tù nhân chính trị trở về tiếp tục chiến đấu chống Mỹ - cứu nước.

Quan sát tình hình quanh trại giam, đúng như nhận định của Đảng ủy. Giờ giao điểm đổi gác của lính canh là lúc địch có nhiều sơ hở. Mặt khác, cuộc nổi dậy phá khám đúng vào ngày chủ nhật cũng là thời điểm mà binh lính địch có phần chểnh mảng hơn các ngày thường. Tất cả chín tháp canh xung quanh trại giam theo qui định của Ban Giám đốc nhà tù mỗi tháp có ba lính gác thường trực, trạm gác phía trước cổng là ba người, cộng tất cả là ba mươi lính luôn sẵn sàng nổ súng khi có biến động ở trại giam. Nhưng thực tế cuộc giao ca gác vào buổi chiều ngày chủ nhật này mỗi tháp chỉ có một lính canh. Ở phòng gác chính, cũng là kho vũ khí, lúc này có mặt tên trung sĩ huỳnh Xuân Ba là trưởng đồn kiêm trưởng kho vũ khí và binh nhì Nguyễn Văn Hy. Phía trước cổng chính, có một tên lính canh là Nguyễn Văn Hai. Ở phòng kế cận kho vũ khí có khoảng chín mười tên lính. Số lính hết phiên trực đã nộp súng đạn vào kho và ngồi chơi tán gẫu. Như vậy, toàn bộ lính trực trong thời điểm này chỉ còn mười hai tên. Số còn lại đều về với gia đình ở trại C, hoặc la cà trong các hàng quán.

Lúc này là mùa đông nên tiết trời se lạnh. Mới mười bảy giờ bốn mươi lăm phút mà trời đã nhá nhem tối. Một số đồng chí trong các tổ xung kích mình trần,

mặc quần đùi đi đi lại lại bên ngoài sân trại và tiếp cận các mục tiêu. Số tù nhân ở các trại D, E, G là những anh em đã được phổ biến trước, đều đứng hoặc ngồi trước cửa tháp thỏ chờ giờ hành động. Mười bảy giờ ba mươi phút, khi tên lính trực vừa đánh keng báo cho tù nhân vào trại, thì tiếng hô "Xung phong" vang dậy khắp cả trại.

Các mũi xung kích nhanh chóng tiến thẳng đến các mục tiêu đã được phân công. Tổ xung kích do các đồng chí Lê Toàn Thư, Tư Tăng, Cội, Mìn, Nhàn, Sỏi, Cồn, Lém v.v... đã xông thẳng vào kho vũ khí (tức mục tiêu số 1) bắt trói tên trưởng toán gác và dùng dao không chế tên này, lấy toàn bộ vũ khí ở đây. Bọn lính ở phòng kế bên hốt hoảng bỏ chạy tán loạn. Cùng lúc đó, các tổ khác xông thẳng đến nhà tên Giám đốc Tính. Vợ hắn la hoảng, tên công an tài xế chạy đến ứng cứu, bị anh em ta đánh gục phải bò lê ra tận nơi ẩn trốn sau nhà. Một bộ phận xung kích khác xông thẳng vào văn phòng trại giam. Tại đây, tên thượng sĩ Nguyễn Văn Huệ chỉ huy bảo an đang ngồi ở bàn giấy, chưa kịp phản ứng gì đã bị anh em ta bắt trói, đồng chí Tám Thạch và một vài đội viên xung kích đã nhanh chóng dùng xẻng chặt đứt Dây điện thoại ở nhà tên giám đốc Tính và văn phòng trại giam, không cho chúng gọi quân tiếp cứu.

Phải mất mấy phút sau, cánh cửa cổng mới mở được. Anh em tù nhân từ các trại D, G, E ào ạt tuôn ra cửa. Trước làn sóng người tràn như nước vỡ bờ, tên lính gác Nguyễn Văn Hai đang đứng bên ngoài cổng chính, giương súng bắn một phát, lập tức bị một đồng chí quật ngã và đoạt lấy súng. Lòng người tuôn ra cửa mỗi lúc một đông. Có một số anh chị em không được phổ biến trước, khi thấy tình hình như vậy cũng vội vàng chạy theo. Cánh cổng chính của trại giam thay vì khi mở phải kéo vào, nhưng trong lúc vội vàng, anh em ta lại cố sức đẩy ra nên chỉ mở được một cánh, còn cánh kia chỉ hé được một phần. Do đó có sự ùn tắc, chen lấn gây trở ngại trên đường thoát ra, có một số anh em phải công kênh nhau nhảy vọt qua hàng rào. Có người giẫm phải cọc sắt gạch đá, dây kẽm gai... bị thương. Cả một không gian sôi sục trong tiếng hô xung phong vang dội, tiếng gọi nhau, tiếng chân chạy rầm rập của hàng trăm người. Trong mười lăm phút đầu, lực lượng xung kích của ta hoàn toàn làm chủ tình hình. Bọn chỉ huy trại giam và

toàn bộ lính canh gác bị bắt ngờ, vô cùng hốt hoảng, chỉ lo bảo toàn mạng sống nên chưa có hành động nào chống trả.

Theo chủ trương của Đảng ủy là không giết một tên lính nào của địch, nhằm hạn chế việc khủng bố, trả thù của chúng đối với những người còn ở lại hoặc không ra được. Và phải đến hơn mười lăm phút sau, bọn chúng mới hoàn hồn, vội vã nổ súng phản kích và truy đuổi.

Tên trung sĩ Đặng Đức Tài, phó chỉ huy lực lượng bảo an bỏ nhào lên tháp canh số một, cùng tên lính gác Ngô Văn Hồi, dùng trung liên bắn xối xả ra hướng cổng trại và ngoài sân banh. Tiếp đó, tên thượng sĩ Lê Văn Huệ cùng ra lệnh cho lính ở tháp canh số hai bắn chéo ra ngoài lộ một.

Theo kế hoạch của ta thì khi đã dứt điểm hoàn toàn các mục tiêu bên trong, lực lượng xung kích nhanh chóng rút ra ngoài triển khai chốt chặn ở hai đầu đường, dùng súng đã cướp được nã vào các tháp canh số một và số hai, khống chế hai khẩu trung liên đặt ở hai tháp canh này để bảo vệ anh chị em tiếp tục chạy thoát.

Song thực tế, do có sự ùn tắc vì số người cùng lúc ra quá đông ngoài dự kiến, nên không thực hiện được phương án trên. Mặt khác, trong hoàn cảnh bí mật tuyệt đối, việc phổ biến kế hoạch tác chiến cũng gặp nhiều khó khăn, thiếu cụ thể, cho nên khi phát lệnh, nhiều tổ xung kích lại cùng tiến đánh vào một điểm. Tuy vậy, tất cả các mục tiêu chính như : kho súng, nhà giám đốc, văn phòng trại giam... lực lượng ta đều vào được và khống chế bọn địch ngay từ những phút đầu.

Khi tiếng súng của địch nổ vang trước cổng, vẫn còn một bộ phận xung kích gồm các đồng chí Nguyễn Văn Lũy (tức Hai Thông), Phạm Văn Rô, Tân, Thức... đang vận động chạy về phía sau trại E, dùng súng bắn kèm chế địch ở hai tháp canh (tháp một và tháp hai) nhằm hút hỏa lực của chúng về phía sau trại giam, để cho anh chị em đang đổ dồn ở phía trước cổng có điều kiện chạy thoát qua lộ một.

Vài phút sau, tiếng súng ở tháp canh số hai thưa dần. Các đồng chí nhận định là bọn địch ở tháp này sắp hết đạn, là cơ hội để nhanh chóng rút ra ngoài.

Lúc đó thì đồng chí Phạm Văn Rô bị trúng đạn và hy sinh. Vĩnh biệt đồng chí Rô, các đồng chí còn lại gạt nước mắt, vượt nhanh qua cổng trại giam, băng qua lộ một và sân banh dưới làn đạn bắn đuổi theo của địch.

Trước hai làn đạn bắn xối xả của địch, số anh em ta chạy ra sau bị trúng đạn, bị thương và hy sinh khá nhiều. Gần ba mươi đồng chí vừa hy sinh, vừa bị thương nặng nằm trước cổng trại, bên ngoài sân banh và ven bờ suối. Đồng chí Dương Tử Giang cũng bị thương nặng và cố bò đến được bên bờ suối thì hy sinh, trên tay còn ghì chặt cây đàn ghim. người bạn và là vũ khí chiến đấu của đồng chí suốt những ngày tháng bị giam cầm trong ngục tù của đế quốc. Tên Lộc - một công an mật, tài xế của giám đốc Tính, sau khi hoàn hồn, hấn xách tiểu liên phóng ra lộ một và sân banh bắn chết tám đồng chí của ta đang bị thương nằm rải rác bên ngoài. Lúc này, đồng chí Tư Sanh, đại diện công khai của tù nhân ở nhà tù, do sức khỏe yếu, được Đảng ủy phân công ở lại. Khi cuộc vượt ngục nổ ra, đồng chí đã chạy qua nhà tên Hít, nằm lại đó để giữ thế hợp pháp, đồng thời tìm cách tác động để kèm chế, không để tên này hung hăng chạy ra ngoài gây thêm tội ác.

Cuộc nổi dậy phá khám của tù nhân diễn ra trong vòng bốn mươi phút. Đến mười tám giờ ba mươi phút, toàn bộ số tù nhân còn lại bị địch gom vào các trại, cho binh lính canh giữ nghiêm ngặt.

Do điện thoại ở nhà tù bị cắt đứt ngay từ phút đầu, tên phó giám đốc trại giam phải dẫn xác chạy bộ đến bộ tư lệnh sư đoàn dã chiến số bốn để cấp báo và xin cứu viện. Vì vậy, gần một giờ sau cuộc nổi dậy, chúng mới báo động được đến các nơi trong thị xã. Mười chín giờ, lính sư đoàn dã chiến bốn mới đến được trại giam cùng với bọn bảo an, hiến binh lo tiệp ổn định lại tình hình tại trại giam.

trong bóng đêm dày đặc, quang cảnh trại giam sau cuộc nổi dậy vượt ngục của anh chị em tù nhân đã trở nên xơ xác, đượm một không khí ngột ngạt. Hơn một ngàn tù nhân còn lại ở các trại giam trong tâm trạng lo lắng, bàng hoàng. Các anh chị em vừa mừng vừa lo. Mừng vì biết rằng có thêm nhiều đảng viên, cán bộ trung kiên được ra bên ngoài là nguồn lực bổ sung cho phong trào cách mạng trong thời kỳ đen tối. Lo là lo không biết rồi đây, số phận của những người còn lại

sẽ như thế nào? Địch sẽ đàn áp, đày đọa ra sao? Anh chị em phải chuẩn bị tư tưởng để tiếp tục đấu tranh với địch trong tình thế mới. Đồng thời, trước mắt là chịu đựng sự khùng bố tàn bạo mà chần chẫn là địch sẽ trả thù. Bên ngoài trại giam, vẫn còn sờ sờ thi hài của hai mươi hai đồng chí ta hy sinh, sáu đồng chí bị thương nặng nằm rải rác ngay nước cống trại, ở sân banh và ven bờ suối Đồng Tràm.

Giám đốc Huỳnh Văn Tính dù không bị anh em ta đánh đập nhưng y nguy tạo bằng cách bảo vợ dùng dây trói y lại ở chân bàn và cào cấu làm bị thương mặt mũi, quần áo bị xé rách để cố tình chạy tội với thượng cấp của y. Tên giám thị trưởng Nguyễn Văn Huệ chỉ bị xây xát nhẹ cũng giả vờ bị trọng thương v.v...

Khi được bọn chỉ huy trại giam cấp báo, các tên: Tư lệnh sư đoàn dã chiến số bốn, Tiểu Khu trưởng Tiểu khu Biên Hòa, Trưởng ty công an, Trưởng ty hiến binh, Tỉnh đoàn trưởng bảo an... vội vã kéo nhau đến hiện trường và cùng phối hợp lực lượng tổ chức hành quân truy kích, đồng thời cho gom số bị thương (cả ta lẫn địch) chở vào bệnh viện Biên Hòa cấp cứu và lấy khẩu cung. Mười chín giờ ba mươi phút, tên giám đốc Công an Nam phần cùng với tên Mai Hữu Xuân, thiếu tướng tư lệnh chiến dịch "Trương Tấn Bửu" đến xem xét tình hình tại thủ. Bọn chúng ra lệnh cho các lực lượng quân sự, công an các tỉnh, quận nhất là quanh khu vực Biên Hòa như Trảng Bom, Công Thành (nay là huyện Vĩnh Cửu) triển khai lực lượng chốt chặn các nơi và tổ chức hành quân truy kích tù nhân vượt trại giam. Mặt khác, chúng chỉ đạo cho Ty hiến binh Biên Hòa điều tra các vụ vừa xảy ra liên quan đến cuộc nổi dậy của tù nhân.

* *

*

Sau khi thoát khỏi trại giam, các đồng chí vượt ngục đã chia làm nhiều đoàn thể tìm về căn cứ và các cơ sở cách mạng, được nhân dân trên đường đi hết lòng đùm bọc. Đây là cuộc nổi dậy phá khám có qui mô lớn nhất và thành công nhất trong tình hình miền Nam lúc đó. Kẻ địch dùng hỏa lực mạnh và tung lưới khắp nơi để bắn đuổi đoàn vượt ngục nên 22 đồng chí đã anh dũng hy sinh và nhiều người bị thương. Số 462 đồng chí thoát nạn, trong đó có 2 nữ, đã trở về

hàng ngũ an toàn, tiếp tục cuộc đấu tranh chống kẻ thù, trong đó nhiều đồng chí đã trở thành cán bộ cốt cán của cách mạng. Số vũ khí thu được là 41 khẩu súng các loại, lúc đó thuộc loại hiếm, quý đã góp phần trang bị cho lực lượng miền Đông Đồng khởi sau này.

Từ cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp lần đầu tiên (2-12- 1956) và từ đó đến ngày 28-4-1975 tại nhà lao Tân Hiệp, kẻ thù đã giam giữ hàng vạn lượt cán bộ, chiến sĩ cách mạng. Kẻ thù rút kinh nghiệm từ cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp (tháng 12-1956), đã cho tăng cường củng cố hệ thống bảo vệ với nhiều tháp canh, nhiều tầng nhiều lớp kẽm gai bao bọc, xung quanh nhà lao là các căn cứ quân sự dày đặc của quân đoàn 3 và tỉnh Biên Hòa; tăng cường mức độ canh phòng với một tiểu đoàn cảnh sát tại đây. Đặc biệt, chúng sử dụng nhiều tên ác ôn phụ trách nhà lao này, ra sức tra tấn, dùng nhiều thủ đoạn rất thâm độc và tinh vi nhằm tiêu diệt ý chí cách mạng và đày đọa thể xác của đồng chí, đồng bào yêu nước bị chúng giam giữ tại đây. Hàng ngàn cán bộ, đảng viên của ta đã bị chúng bí mật thủ tiêu mà đến nay tổ chức Đảng và gia đình không rõ thể xác của các đồng chí ấy bị chúng vùi dập ở nơi nào. Nhưng, trong suốt những năm tháng ấy truyền thống của cuộc nổi dậy phá khám tháng 12-1956 tại nhà lao Tân Hiệp được mãi mãi phát huy. Nhiều cuộc đấu tranh và nổi dậy liên tiếp diễn ra làm cho kẻ thù hoảng sợ. Đặc biệt là ngay trong nhà tù khét tiếng ác ôn này, những chiến sĩ cộng sản và quần chúng người yêu nước luôn luôn nêu cao phẩm chất cách mạng và ý chí chiến đấu. Các tổ chức Đảng, từ tổ Đảng tới Chi bộ vẫn tồn tại và sinh hoạt ngay trong hang ổ của kẻ thù; giữ vững sự lãnh đạo của



Các đồng chí nguyên là tù nhân của Mỹ - ngụy tại nhà lao Tân Hiệp về thăm lại trại giam cũ. Người thứ ba (từ trái sang) là đồng chí Nguyễn Trọng Tân, nguyên Bí thư Đảng ủy nhà lao Tân Hiệp.